

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 412 – Chúa nhật 22.08.2021

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

ƠN LINH HỨNG VÀ VIỆC GIẢI THÍCH THÁNH KINH – Dei Verbum –	Vatican 2
LỜI GIEO SỰ CHẾT VÀ LỜI BAN SỰ SỐNG	Lm Inhaxiô Trần Ngà
TRẠI PHONG BẾN SẮN.....	Lm JB. NGUYỄN MINH HÙNG
VÔ VÀN ÂN SÙNG.....	Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ
HUẤN LUYỆN TÌNH DỤC CHO TRẺ EM & KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH?.....	
.....	Bác sĩ NGUYỄN TIẾN CẢNH, MD.
Luận về Đời Sống Đạo Đức qua Thần Học và Triết Học: “Những nguyên tắc để suy tư và tiêu chuẩn để phán đoán”	Tiến Sĩ Trần Xuân Thời
Tác phẩm: THUỜNG THỨC LỜI CHÚA – MÀU NHIỆM LỜI CHÚA tác: (Savourer la Parole de Dieu - Frere Bernard GAUDEUL).....	Thérèse Trần Thiết & Fr. Bảo Tịnh O.Cist chuyển ngữ
ĐỨC KYTÔ PHỤC SINH	Lm Peter Lê Văn Quảng, PsyD.
ĐẦU LÀ NHỮNG THÁCH ĐÓ VÀ HIỂM NGUY CHO NIỀM TIN CÓ THIÊN CHÚA NGÀY NAY?	
.....	Lm. Ngô Tôn Huấn, Doctor of Ministry
Nghĩ về tình trạng “mù”.....	Lm Giuse NGÔ MẠNH ĐIỆP
NGÀY NGƯNG THUỐC LÁ	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
SỰ KHỦNG BỐ ÊM DỊU	Chuyện phiếm của Gã Siêu

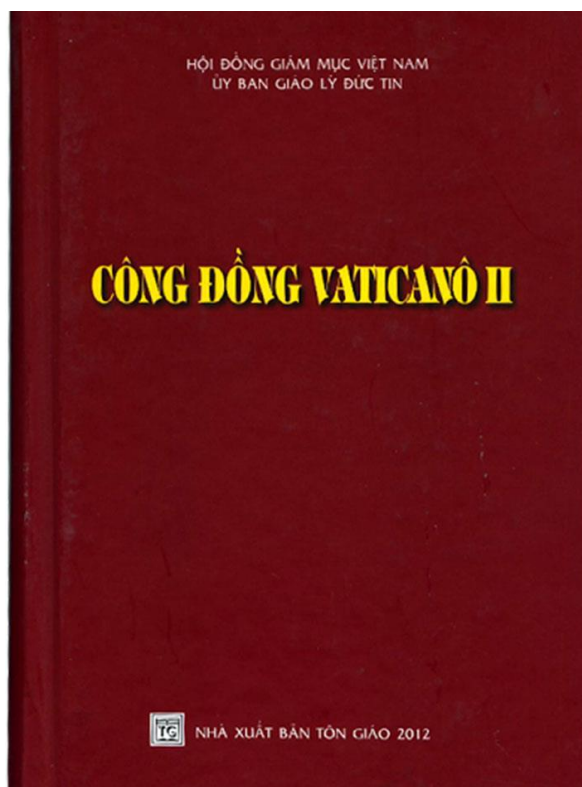
ƠN LINH HỨNG VÀ VIỆC GIẢI THÍCH THÁNH KINH

LTS. Mặc dù trong 15 năm qua, Đặc San GSVN đã phổ biến nhiều lần các văn kiện của Công Đồng Vatican II, nhưng chúng con vẫn thấy đây là những tư liệu vô giá, sẽ giúp nuôi dưỡng đời sống Đức Tin cho mọi Kitô Hữu, cũng như sẽ rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu về Giáo Hội Công Giáo, vì thế chúng con sẽ tiếp tục giới thiệu về 16 văn kiện quan trọng của Công Đồng Chung Vatican II, đây là bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý & Đức Tin, HĐGM Việt Nam.

Kính mong được mọi người cùng quan tâm.

Xin chân thành cảm ơn.

Đặc San GSVN



PHAOLÔ GIÁM MỤC
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

HIẾN CHẾ TÍN LÝ
VỀ MẠC KHẢI THIÊN CHÚA
DEI VERBUM
Ngày 18 tháng 11 năm 1965

CHƯƠNG III
**ƠN LINH HỨNG
VÀ VIỆC GIẢI THÍCH THÁNH KINH**

11. Những mạc khải được chứa đựng và trình bày trong Thánh Kinh, đều được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. Thật vậy, Giáo Hội, Mẹ Thánh chúng ta, nhờ đức tin tông truyền, xác nhận rằng toàn bộ các sách Cựu Ước cũng như Tân Ước với tất cả các phần đoạn đều là Sách Thánh và được ghi vào bản thư quy Thánh Kinh, vì được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần (x. Ga 20,31; 2 Tm 3,16; 2 Pr 1,19-21; 3,15-16), các sách ấy có tác giả là chính

Thiên Chúa và được truyền lại cho Giáo Hội đúng theo nguyên bản¹. Quả vậy, trong việc biên soạn các Sách Thánh, Thiên Chúa đã chọn những con người và nhờ họ dùng tài năng và công sức², để khi chính Ngài hành động trong con người và qua con người³, họ viết ra như những tác giả đích thực tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ những điều đó mà thôi⁴.

Vì mọi lời các tác giả được linh hứng, cũng gọi là thánh sử, đã viết ra là những điều được xác quyết bởi Chúa Thánh Thần, nên phải tuyên nhận rằng Thánh Kinh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm về chân lý mà Thiên Chúa đã muốn Thánh Kinh ghi lại để cứu độ chúng ta⁵. Bởi vậy “toàn bộ Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng và hữu dụng trong việc giảng giải, biện bác, sửa dạy, giáo dục để nên công chính: giúp cho người của Thiên Chúa trở nên toàn hảo và được trang bị đầy đủ để làm mọi việc lành” (2 Tm 3,16-17: bản Hy Lạp).

12. Tuy nhiên, vì trong Thánh Kinh, Thiên Chúa đã nhờ con người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy⁶, nên để thấy rõ điều chính Ngài muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Thánh Kinh phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh sử thật sự có ý diễn đạt và điều Thiên Chúa muốn bày tỏ qua lời lẽ của các ngài.

Để tìm ra chủ ý của các thánh sử, giữa những phương pháp khác nhau, cũng cần phải chú ý đến “văn thể”, vì chân lý được trình bày và diễn tả qua nhiều thể văn khác nhau, như thể văn lịch sử, ngôn sứ, thi phú hoặc những cách diễn đạt khác; hơn nữa, nhà chú giải cũng cần phải tìm hiểu ý nghĩa mà thánh sử muốn diễn tả và thật sự đã diễn tả trong những trường hợp rõ rệt, trong hoàn cảnh thời đại và văn hóa của các ngài, qua các lối hành văn được dùng trong thời đó⁷. Thật vậy, để hiểu đúng ý nghĩa tác giả thánh muốn khẳng định trong bản văn, chúng ta phải chú tâm đúng mức đến những cách thức cảm nhận, nói năng hoặc tường thuật của người bản xứ, thường được dùng vào thời đại của thánh sử, cũng như các cách thức mà người thời ấy quen dùng khi giao tế với nhau⁸.

Nhưng vì Thánh Kinh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần, thì cũng phải được đọc và giải thích nhờ chính Thánh Thần⁹. Và để khám phá chính xác ý nghĩa của các bản văn thánh, cũng phải xem xét cách kỹ lưỡng đến nội dung và tính duy nhất của toàn thể Sách Thánh, dựa trên truyền thống sống động của toàn thể Giáo Hội và phương cách loại suy trong lãnh vực đức tin. Các nhà chú giải có nhiệm vụ dựa theo những qui tắc đó khi cố gắng tìm hiểu thấu đáo và trình bày ý nghĩa Thánh Kinh cách sâu sắc hơn, để việc nghiên cứu của họ nên như công trình chuẩn bị giúp cho phán quyết của Giáo Hội được thêm hoàn hảo. Quả vậy, những gì liên hệ đến việc giải thích Thánh Kinh, cuối cùng đều phải lệ thuộc vào phán quyết của Giáo Hội, vì Thiên Chúa đã truyền lệnh và trao cho Giáo Hội nhiệm vụ gìn giữ và giải thích Lời Ngài¹⁰.

13. Trong Thánh Kinh, sự “hạ cố” kỳ diệu của Đức Khôn Ngoan vĩnh cửu đã được tỏ hiện, trong khi vẫn bảo toàn phẩm tính chân thật và thánh thiện của Thiên Chúa, “để chúng ta biết được lòng nhân từ khôn tả của Thiên Chúa và nhận ra Ngài đã thích ứng lời nói của Ngài đến mức nào, khi Ngài đã biết trước và quan tâm đến nhân tính của chúng ta”¹¹. Quả thế, các lời của Thiên Chúa được diễn tả bằng ngôn ngữ loài người, đã trở nên tương tự với lời nói loài người, cũng như xưa Ngôi Lời của Chúa Cha vĩnh cửu đã mặc lấy xác thịt yếu đuối của loài người, đã trở nên giống như con người.

[Còn tiếp](#)

[VỀ MỤC LỤC](#)

¹ x. CĐ VATICAN I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 2: DS 1787 (3006); UY BAN KINH THANH GIAO HOANG, Sắc lệnh ngày 18.6.1915: DS 2180 (3629); EB 420; THÁNH BỘ THÁNH VỤ, *Thư ngày* 22.12.1923: EB 499.

² x. PIÔ XII, Thông điệp *Divino Afflante Spiritu*, 30-9-1943: AAS 35 (1943), tr. 314; EB 556.

³ *Trong và qua con người*: X. Dt 1,1 và 4, 7 (trong); 2 Sm 23,2; Mt 1,22 và nhiều nơi khác (qua); CĐ VATICAN I: *Schema de doctr. cath.*, ghi chú số 9: Coll. Lac. VII, 522.

⁴ LÊÔ XIII, Thông điệp *Providentissimus Deus*, 18.11.1893: DS 1952 (3293); EB 125.

⁵ x. T. AUGUSTINÔ, *De Gen. ad litt.* 2, 9, 20: PL 34,270-271; CSEL 28, 1, 46-47 và *Epist.* 82, 3: PL 33, 277; CSEL 34, 2, 354; T. TÔMA, *De Ver. q.* 12, a. 2, C; CĐ TRENTO, khoản 4, *De canonicis Scripturis*: DS 783 (1501); LÊÔ XIII, Thông điệp *Providentissimus Deus*: EB 121, 124, 126-127; PIÔ XII, Thông điệp *Divino Afflante Spiritu*: EB 539.

⁶ T. AUGUSTINÔ, *De Civ. Dei*, XVII, 6, 2: PL 41, 537; CSEL 40, 2, 228.

⁷ T. AUGUSTINÔ, *De Doctr. Christ.* III. 18, 26: PL. 34, 75-76: CSEL 80, 95.

⁸ PIÔ XII, Thông điệp *Divino afflante Spiritu*: DS 2294 (3829-3820); EB 557-562.

⁹ x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Spiritus Paraclitus*, 15.9.1920: EB 469; T. GIÊRÔNIMÔ, *In Gal.* 5,19-21: PL 26, 417A.

¹⁰ x. CĐ VATICAN I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 2: DS 1788 (3007).

¹¹ T. GIOAN KIM KHẦU, *In Gen.* 3, 8 (hom. 17, 1): PG 53, 134. “Thích ứng” tiếng Hy Lạp là *synkatabasis*.

LỜI GIEO SỰ CHẾT VÀ LỜI BAN SỰ SỐNG

(Suy niệm Tin mừng thánh Gioan (6, 60-69) trích đọc vào Chúa nhật 21 thường niên)

Thông thường, người ta nghĩ rằng những chất độc hại và những thứ vũ khí giết người mới có thể gây ra sự chết; ngược lại, chỉ có những thực phẩm tốt, thuốc men tốt mới có thể tăng cường sức khỏe và mang lại sự sống cho con người.

Tuy nhiên, những lời nói vô hình thoảng bay trong gió cũng có thể gây ra sự chết và mang lại sự sống.

* Lời nói gây nên chết chóc và huỷ diệt

Lật lại trang sử đầu tiên của nhân loại, khi Thiên Chúa mới dựng nên nguyên tổ loài người là Adam và Eva, ma quỷ đã dùng lời ngon ngọt dụ dỗ hai ông bà ăn trái cấm. Ông bà nguyên tổ đón nhận lời gây chết chóc của Sa-tan và từ đó hai ông bà và con cháu phải lãnh lấy khổ đau và án chết. Như thế, rõ ràng lời nói của Sa-tan đã gây ra cái chết, không chỉ cho ông bà nguyên tổ mà thôi, nhưng còn cho cả loài người.

Rồi khi thánh Gioan tẩy giả bị vua Hê-rô-đê cầm tù, chỉ cần một lời xúi giục của bà Hê-rô-đi-a-đê: “Xin vua ban ngay cho con cái đầu của Gioan đặt trên đĩa này” là lời đó đã gây nên cái chết của một vị ngôn sứ cao cả.

* Nhưng trái lại, lời nói cũng có thể ban lại sự sống

Từ nguyên thủy, khi tất cả chỉ còn là hư vô, Thiên Chúa đã dùng Lời mà tác thành vũ trụ và sáng tạo muôn loài. Mọi sự sống trên hoàn vũ, từ sự sống của các loài sinh vật đơn giản cho đến sự sống của loài người và thiên thần đều do Lời Chúa tác tạo nên. Sáng thế ký chương I viết:

²⁰ “Thiên Chúa phán: “Nước phải sinh ra đầy dẫy những sinh vật lúc nhúc, và loài chim bay lượn trên mặt đất, dưới vòm trời... Đất phải sinh ra các sinh vật tùy theo loại: gia súc, loài bò sát và dã thú tùy theo loại...” thì liền có như vậy.

²⁶ Thiên Chúa phán: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta...” Và từ Lời thần thiêng đó, con người đã được tạo thành và được thông ban sự sống.

Khi xuống thế làm người, Chúa Giê-su cũng dùng Lời thần thiêng của mình để phục hồi sự sống cho những kẻ chết.

Hôm ấy, khi Chúa Giê-su thấy người ta khiêng cậu con trai duy nhất của một bà goá ở thành Na-in đi chôn, bà mẹ goá theo sau gào khóc thảm thiết... Động lòng thương, Chúa truyền cho người khiêng đứng lại và Ngài dùng Lời nói của mình ban lại sự sống cho người thanh niên: “Hỡi thanh niên, Ta truyền cho anh hãy chỗi dậy” thế là người chết được hồi sinh (Lc 7,14).

Rồi đến lượt La-da-rô đã chết đến bốn ngày, đã nặng mùi rồi, thế mà Chúa Giê-su cũng chỉ dùng Lời Ngài ban lại sự sống cho anh. “La-da-rô, hãy ra ngoài!” Vừa nghe lời quyền năng đó, người chết đội mồ sống lại.

Thế thì rõ ràng là Lời Chúa Giê-su là những Lời đầy quyền năng, có sức thông ban sự sống; không chỉ ban sự sống tạm thời trên dương thế, mà còn ban cả sự sống đời đời trên thiên quốc.

Vì nhận biết Chúa Giê-su có những lời đầy quyền năng, mang lại sự sống như thế, nên khi nghe Chúa Giê-su tuyên bố: “Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sống muôn đời”, nhiều môn đệ của Ngài tỏ ra khó chịu và muốn bỏ đi, thì thánh Phê-rô vẫn dứt khoát ở lại và khẳng khái tuyên xưng:

“Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời.”

Lạy Chúa Giê-su,

Xin cho chúng con yêu mến và gắn bó với Chúa suốt đời, vì “Chúa có những lời ban sự sống đời đời.”

Xin đừng để môi miệng chúng con thốt ra những lời gây đau thương, gây bất hoà chia rẽ như lời của Sa-tan nhưng chỉ thốt ra những lời có sức xây dựng hoà bình, vun đắp tình huynh đệ và lòng yêu thương giữa người với người như lời của Chúa. Amen.

Linh mục Inhaxiô Trần Ngà

VỀ MỤC LỤC

TRẠI PHONG BẾN SẮN



Chuyên mục:

“Huế - Sài Gòn - Hà Nội”

TRẠI PHONG BẾN SẮN

Lm JB. NGUYỄN MINH HÙNG

Giáo phận Phú Cường

Kính mời theo dõi video tại đây:

Trại phong Bến Sắn được thành lập từ năm 1959. Kể từ ngày đầu thành lập, trại phong Bến Sắn đã được trao cho các nữ tu **Tu Hội Nữ Tử Bác Ái Vinh Sơn** coi sóc và phục vụ. Từ sau năm 1975, các nữ tu chỉ còn là người phục vụ như nhiều cán bộ công nhân viên khác của trại.

Hơn nửa thế kỷ, gần cả một đời người, nơi đây đã lưu dấu bao nhiêu bước chân con người đi qua. Có thể họ là những người phục vụ với tư cách là y bác sĩ; có thể họ là những người mang lý tưởng tình yêu Chúa Kitô như các nữ tu và nhiều thành viên thiện nguyện khác; có thể họ là những ân nhân một lần đến thăm rồi từ đó gắn bó với trại phong; cũng có thể đó là những người tình cờ hay tò mò muốn biết bệnh nhân phong là thế nào, rồi khi chứng kiến, đã ghi dấu ấn hình ảnh những con người bất hạnh tận tâm khảm đời mình; và trên hết, thành phần chủ yếu của trại phong là tất cả bệnh nhân phong. Chính vì họ mà trại phong Bến Sắn có lý do tồn tại và hiện diện trong nhiều chục năm qua.



Cách đây nhiều năm, như một tuyên úy cho trại phong Bến Sắn, hằng ngày đến dâng thánh lễ, nhiều lần rửa tội, giải tội, xức dầu, cử hành các nghi thức tẩm liệm, an táng... cho những anh chị em bệnh nhân ở đây, **chúng tôi cảm nhận họ**

thực là tấm gương của ơn bình an, ơn biết tin thác vào bàn tay Thiên Chúa.

Nay đang trong thời cách ly nghiêm ngặt, phải tự giam mình nhiều tháng trời, nhớ lại cảnh anh chị em bệnh nhân phong phải tạt nguyên, có người suốt đời ngồi xe lăn, có người suốt đời gắn mình trên giường bệnh, có người chân tay, mắt mũi, hình hài không còn nguyên vẹn..., không đi đâu và cũng không thể tự mình đi bất cứ nơi đâu, đúng hơn, **họ chấp nhận sự tự giam mình trong bốn bức tường của khu vực điều trị một các vui vẻ, thoải mái và hạnh phúc**, chúng tôi càng tự xấu hổ, càng thương họ vô cùng...

Bản thân, từ nhỏ đã đầy đủ mọi bộ phận trên cơ thể, muốn đi là đi, muốn về là về. Hạnh phúc đến độ, ở cạnh những người bất hạnh suốt thời gian dài mà vẫn chưa một lần nhận ra, **chưa một lần tự đặt mình vào hoàn cảnh của họ.**

Đến nay, chỉ mới một thời gian không thể bước chân khỏi nhà, đã cảm thấy bức bối, cảm thấy muốn nổi loạn. Bây giờ, **nhìn anh chị em của mình, cảm nghiệm sự bình an chấp nhận**

nếp sống phẳng lặng trôi đi từng ngày của họ mà tôi rút ra nhiều bài học quý báu cho đức tin, cho lòng yêu mến Chúa, cho đời sống phục vụ của mình trong thời gian "trời chân" này.

Chúng tôi đã thấm thía lời Chúa Giêsu trong nhà tiệc ly trước khi chia tay các môn đệ của



Ngài: ***"Thầy để lại bình an cho các con, Thầy ban bình an của Thầy cho các con. Thầy ban cho các con không như thế gian ban tặng"***. (Ga 14, 27). Lời ban bình an này được thực hiện ngay giữa cơn thử thách đang đè nặng trên tông đồ đoàn, vì Chúa sắp bước vào thụ nạn.

Vì ơn bình an mà bản thân cảm nghiệm từ ngôi trại thân thương này, chúng tôi thấy mình được mà không hề mất, ngược lại chúng tôi đã nhận nơi họ quá nhiều. Đúng hơn, **anh chị em trong trại phong là món quà, không thể có món quà nào quý hơn, Chúa trao tặng chúng tôi.**



Làm sao mà những con người, tưởng chừng xấu số ấy, vẫn có thể nở nụ cười trên môi, dấu nhiều khi vì bệnh tật, nụ cười đã dị dạng?

Làm sao mà những con người, tưởng chừng không còn niềm tin, lại có **thể tin vào Chúa là tình yêu,**

khi mà cả một đời gắn chặt trên giường bệnh, hay trên những chiếc xe lăn oan nghiệt.

Làm sao mà những con người tưởng chừng bị mất hy vọng đường ấy lại có thể **nhìn nhận Thiên Chúa là Cha từ ái, và suốt đời ôm ấp lòng mến yêu, sự cậy trông tha thiết đối với Thiên Chúa đến vậy.**

Làm sao mà những con người đáng thương ấy lại có thể cất lên tiếng “cha” niềm nở với các linh mục, hay tiếng “dì”, tiếng “thầy” thân thương với các tu sĩ.

Làm sao mà những con người bạc phận ấy lại có thể can đảm níu kéo cuộc sống của mình từng ngày trong căn bệnh quái ác đã từng gây đau nhức đến nỗi chỉ muốn chết, chỉ có thể chết mà thôi.

Làm sao những con người đáng thương ấy lại có thể chấp nhận bản thân mình, trong khi bị **chính những người thân nhất đời mình như cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, con cháu... chối bỏ**, thậm chí bị khước từ, bị khinh bỉ như một kẻ dơ bẩn, xấu xa, hèn mạt.

Làm sao mà những con người, cứ tưởng là bi đát, lại có thể chìa đôi tay không còn nguyên vẹn của mình để làm cho đứng dậy những ai muốn gục ngã trong đời.

Làm sao mà những con người khó đứng vững trên đôi chân mình, lại có thể làm điểm tựa vững chắc cho những ai đang sàu thương trên đường đời. Bởi nhiều khi vấp phải những khủng hoảng trong đời sống, **chúng tôi đã chiêm ngưỡng những anh chị em tưởng chừng bị thương ấy, để lấy lại thăng bằng cho đời hiến dâng của mình.**

Làm sao mà những con người, cứ tưởng là bất hạnh ấy, lại giàu nghị lực, giàu lòng can đảm chịu đựng bệnh tật, chịu đựng hoàn cảnh thiếu tình thương của người thân, thiếu sự ấm áp của một mái gia đình đúng nghĩa, lại có thể **chấp nhận một gia đình mà trong đó, toàn là người xa lạ, đến từ nhiều nơi, với nhiều cách nghĩ, cách sống lắm lúc quá chênh lệch, quá khác nhau...**

Làm sao mà những con người tưởng như chỉ còn màn đen phủ trọn kiếp sống, lại có thể quả cảm đến mức lạ thường, khi phải chấp nhận hoàn cảnh của mình, hoàn cảnh của những người cùng chung sống, hoàn cảnh của những người phục vụ mình, hoàn cảnh của tất cả những ai có trách nhiệm, có liên can, mà nhiều khi vì hoàn cảnh riêng ấy, đã không mang lại nụ cười, hay đã không thể mang lại nụ cười, nhưng chỉ là nước mắt, là khổ đau cho mình...

Làm sao mà những con người như thế, lại **có thể vĩ đại đến vậy. Đáng yêu quá! Đáng quý quá! Đáng trân trọng quá!...**

Biết bao nhiêu tiếng “làm sao...” đã nhảy múa trong đầu chúng tôi, trong tim chúng tôi, trong những ngày tháng chúng tôi được chứng kiến. Biết bao nhiêu tiếng “làm sao...” nghẹn ứ trong cổ họng, đã không thể bật thành lời, mà thành những dòng cảm động rót đầy vào hồn chúng tôi. Biết bao nhiêu tiếng “làm sao...” đổ dồn trong cõi riêng tư, khiến chúng tôi càng yêu quá đỗi, càng trân quý quá đỗi những ân huệ lớn lao của Thiên Chúa ban tặng trong cuộc đời mình.

Không thể trả lời cho xiết những tiếng “làm sao...”. Bởi nếu đi tìm câu trả lời bằng suy nghĩ của phàm nhân, sẽ thất bại.

Chỉ có Lời Thiên Chúa mới mong lý giải đến tận cùng những tiếng “làm sao...” ấy. Càng nhìn thấy những hoàn cảnh, những xác thân bệnh đau, tật nguyền của anh chị em, nhưng vẫn muốn sống, vẫn tiếp tục sống và tha thiết với sự sống, chúng tôi càng thấm thía lời ban bình an của Chúa chúng ta, lời đã được thốt lên ngay trước giờ thụ nạn, giờ đau khổ nhất trong cuộc đời dương thế của Ngài: **“Thầy để lại bình an cho các con, Thầy ban bình an của Thầy cho các con. Thầy ban cho các con không như thế gian ban tặng”** (Ga 14, 27).

Hóa ra **LÒNG NGƯỜI ĐÃ TRỞ SINH BÌNH AN CỦA THẦY.**

Chính “BÌNH AN CỦA THẦY”, đó là bình an giữa những bữa vây bởi những thách thức, những rung động (chứ không phải thứ bình an êm ái nhưng giả tạo của thế gian, hay của bất cứ ai khác), mới có thể **làm tăng sức, làm mạnh mẽ, làm cao cả, làm mãnh lực, làm cứng cáp... những gì yếu đuối nhất, mềm mại nhất, đơn côi nhất, thiếu thốn nhất...**

Chính vì được “Thầy để lại”, được “Thầy ban” cho mình “BÌNH AN CỦA THẦY” mà **những con người đầy khiếm khuyết trên thân xác, lại có thể sống tích cực, sống dồi dào đức tin, lòng mến, niềm cậy trông, sống dồi dào tình yêu cho nhau, và cho đời** đến vậy.

Chính “BÌNH AN CỦA THẦY”, bình an trong sự vâng phục Thánh Ý đến tận cùng mà Chúa Giêsu rót vào hồn những kẻ đang bước đi cùng Ngài trên con đường Thánh Giá, mới làm cho họ vững vàng, chấp nhận, chịu đựng, và biết hiến dâng đến vậy.

Chính “BÌNH AN CỦA THẦY” đã làm cho mọi bệnh nhân nơi đây, dẫu còn đó những khó khăn, những thiếu thốn, vẫn yêu và ra sức xây dựng nơi mình sống, xây dựng môi trường bệnh viện thành ngôi nhà chung cho tất cả những ai đồng cảnh ngộ, cho tất cả những ai muốn tìm về để có chốn nương thân.

“BÌNH AN CỦA THẦY” một khi được trao ban cho con người, cứ y như dầu lạ mà chính Thầy đã từng thực hiện trong Tin Mừng, nay lại tiếp tục để chữa lành, để xoa dịu, để ủi an, để tăng nghị lực, để lấp đầy những trống vắng, để tha thứ, để đón nhận... mọi con người.

Hay nói cách khác, giờ đây Thầy đang hiện diện bằng chính **“BÌNH AN CỦA THẦY”**, để những gì mà ngày xưa Thầy đã từng thực hiện nơi những trang Tin Mừng, vẫn tiếp tục thực hiện bằng chính những dấu lạ hôm nay, ngay trên chốn này. **Chính Thầy đã làm cho lòng người hôm nay trở sinh bình an của Thầy.**

Cảm nghiệm **“BÌNH AN CỦA THẦY” trở sinh trong lòng người như chạm tới được**, chúng tôi bàng hoàng. Đã có lúc chúng tôi sợ hãi, vì nhận ra, đôi lần mình còn sống hình thức, chưa dám dấn thân, chưa dám hòa mình trọn vẹn với anh chị em. Chúng tôi nguyện xin Chúa Giêsu, người Thầy của ơn bình an, tha thứ cho những đại khờ, những lơ đãng, những hời hợt của chúng tôi. Xin Chúa tha thứ cho những lần chúng tôi chưa đặt hết tâm của mình trong việc

phục vụ. Xin Chúa tha thứ cho chúng tôi vì chúng tôi đã không làm đầy thêm, không vun bồi thêm khuôn mặt từ ái yêu thương của Chúa nơi tất cả những anh chị em đang đau khổ, vì sự xa tránh, sự thiếu chân thật, thiếu tấm lòng, thiếu sự cảm thông... của chúng tôi.

Nguyện xin Chúa Giêsu tác giả của ơn bình an, ban cho chúng tôi, ban cho mọi người có nhiệm vụ phục vụ, và ban cho mọi bệnh nhân bình an của Chúa, để nhờ ơn bình an ấy, cuộc sống nơi đây ngày càng đẹp hơn, thấm thiết hơn, trào tràn yêu thương hơn.

Xin lỗi Chúa bao nhiêu, chúng tôi càng phải mang ơn anh chị em trại phong này bấy nhiêu. Anh chị em là ngọn lửa thắp lên niềm an ủi, thắp lên sức mạnh tinh thần, sức mạnh của nghị lực khi chúng tôi vấp phải những chán chường, bạc nhược mà đôi lần vì bản thân, vì giới hạn của con người, vì những hoàn cảnh khác nhau có thể gây ra. Chính anh chị em làm cho chúng tôi vui hơn, tươi hơn, đáng sống hơn, dám đương đầu hơn...

Chính trong nỗi bất hạnh của mình, anh chị em là nét đẹp của cuộc đời, là ánh nắng pha trong u tối, là cơn mưa nhẹ xua đi những oi nồng trong lòng chúng tôi, mỗi khi chúng tôi gặp phải những cản trở nào đó trên đường phục vụ và mục vụ. **Từ nay, cứ nhìn anh chị em, chúng tôi không còn dám than thân trách phận, không còn dám nghĩ suy ích kỷ cho riêng mình, không còn dám bỏ qua những tiện ích, những khả năng mà Chúa ban cho mình,** không còn dám “đem chôn dấu nén bạc” của Chúa, mà không tìm ích lợi hồn xác cho mình, cho đời.

Ngàn vạn lần cảm ơn anh chị em. Chúng tôi đã nhận từ anh chị em quá nhiều. Chúng tôi kính phục anh chị em. Anh chị em đã cho chúng tôi không phải vật chất, mà là cho tất cả con người, cho cả đời sống, cho cả những khiếm khuyết trên thân thể của anh chị em, để chúng tôi càng nhận ra hồng ân sự sống cao quý biết chừng nào.

Anh chị em là quà tặng của sự sống chúng tôi. Anh chị em muốn sống, muốn vươn cao hơn nữa trong đời sống, dù vẫn còn đó trên thân thể bệnh tật của mình, thì chúng tôi càng phải sống, và sống cho có ý nghĩa, sống cho tích cực, sống vì lợi ích thiêng liêng của mình, vì lợi ích thiêng liêng của chính anh em và của muôn người mà chúng tôi có nhiệm vụ phục vụ.

Xin cúi mình kính chào anh chị em. Xin được hôn lên mọi đau khổ của anh chị em.

Xin Chúa tuôn đổ bình an của Chúa trên tất cả chúng ta.

Lm JB NGUYỄN MINH HÙNG

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

VÔ VÀN ÂN SÙNG



QUÀ TẶNG TIN MỪNG:

Thứ Bảy tuần XIX Thường Niên,
năm lẻ

nhớ thánh Maximilian Maria Kolbê

VÔ VÀN ÂN SÙNG

Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ

Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://bit.ly/3mpJM55>

Chúa Giêsu nói: “Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Trời thuộc về những ai giống như chúng”. Sau khi đặt tay trên các em, Ngài đi tiếp. (Mt 19, 14-15)

Chuyện kể về một cậu bé Ba Lan. Từ khi được rửa tội, Raimund đã **ước ao đến với Chúa Giêsu và nên giống Ngài**. Mới 12 tuổi, trong một khải tượng, Mẹ Maria hiện ra với cậu, trên tay Mẹ là hai vương miện để Raimund chọn; chiếc màu trắng tượng trưng đức trong sạch, màu đỏ cho tử đạo. Raimund trả lời, **“Con chọn cả hai!”**. Raimund chính là linh mục **Maximilian Maria**



Kolbê, mệnh danh là **“Người Con Điên của Đức Mẹ”** hôm nay Giáo Hội mừng kính. Kolbê tử đạo vì đã chết thay cho một bạn tù. Sau hai tuần bị bỏ đói, Kolbê qua đời ngày 14/8/1941 vì mũi tiêm axit carbolic; hôm sau được hoả táng. Từ trại Auschwitz, làn khói bay lên như

hương trầm nghi ngút **đúng vào lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời**. Người được Kolbê cứu sống, Francis Gajowniczek, có mặt tại Rôma năm 1982 - khi Gioan Phaolô II phong thánh cho Kolbê - vị linh mục đàn anh đồng hương. Thật thú vị, khi Kolbê tử đạo, Karol Wojtyła - vị Giáo hoàng lúc ấy mới 20 tuổi, đang có mặt cách Auschwitz chỉ một giờ lái xe!

Kính thưa Anh Chị em,

Cha Kolbê đã đến với Chúa Giêsu rất sớm! Thánh nhân đã **“chọn cả hai”** và Chúa đã ban cho ngài **“vô vàn ân sủng”** để đạt được hai điều cha hằng ước mong. Trong Tin Mừng hôm nay, các trẻ em cũng đến với Chúa Giêsu, các môn đệ ngăn cản; Ngài không bằng lòng. **Một chi tiết nhỏ thường bị bỏ quên là, Chúa Giêsu đặt tay trên các em và cầu nguyện cho các trẻ.** Thật may mắn!

Một câu hỏi thú vị cần suy gẫm là, **việc đặt tay của Chúa Giêsu cùng với lời cầu nguyện của Ngài có tác dụng gì đối với những trẻ này?** Có chứ! Những hành động này sẽ ban cho những tâm hồn thơ bé đó **‘vô vàn ân sủng!’**. Có lẽ các em không nhận ra điều gì đang xảy ra, nhưng dẫu sao, các em vẫn nhận được rất nhiều ân sủng.

Điều này cũng đúng trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta không gặp Chúa Giêsu về mặt thể chất cách tương tự để được Ngài đặt tay và cầu nguyện cho, nhưng chúng ta có một cái gì đó lớn hơn nhiều! **Chúng ta có Đấng Cứu Rỗi của Thế Giới hạ cố khi chúng ta Rước Lễ; Ngài đi vào linh hồn chúng ta, nuôi dưỡng chúng ta theo những cách thức vượt quá những gì chúng ta có thể tưởng tượng.** Quyền năng của sự hiện diện thiêng liêng của Chúa Giêsu đến với chúng ta khi chúng ta Rước Lễ, **đủ để biến đổi cuộc sống của chúng ta theo những cách thức mạnh mẽ với ‘vô vàn ân sủng’ của Ngài.** Vấn đề là chúng ta thường tiếp nhận Ngài mà không hoàn toàn cởi mở với ân sủng và lòng thương xót của Thiên Chúa. Chúng ta dễ dàng tiến đến để lãnh nhận Mình và Máu, Linh Hồn và Thần Tính của Chúa Giêsu, nhưng xem ra chúng ta chưa mở lòng hoàn toàn vào chiều sâu vô tận của ân sủng và lòng thương xót dịu ngọt của Ngài.

Nếu chúng ta thật sự cảm nhận được sự chạm đến của ân sủng, chúng ta cũng sẽ có những chọn lựa như cha Maximilian Kolbe đã chọn hoặc như Giosuê và dân Chúa đã chọn trong bài đọc thứ nhất hôm nay, **“Giờ đây, các người hãy tùy ý chọn phải tôn thờ ai!”; “Phần tôi và gia đình tôi, chúng tôi sẽ tôn thờ Chúa!”**. Đó là những con người đã chọn Thiên Chúa, chọn Nước Trời làm gia nghiệp như Thánh Vịnh đáp ca hôm nay xác tín, **“Lạy Chúa, Chúa là phần sản nghiệp con được hưởng!”**.

Anh Chị em,

Chúng ta có được gì mà không nhờ ơn Chúa. Tự nguồn sung mãn của Chúa Kitô, tất cả chúng ta **lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác; qua cái chết của Ngài trên thập giá, Thiên Chúa đã ban cho chúng ta “vô vàn ân sủng”**. Nhưng vấn đề là làm sao tâm hồn chúng ta, như hoa hướng dương luôn quy chiếu về mặt trời, như con chíp luôn hướng về máy chủ. Thời gian đại dịch là lúc chúng ta sống niềm xác tín: chỉ nơi Ngài, và trong Ngài, mới chúng ta mới có thể kín múc được **nguồn sức sống vô biên để vượt qua biển đời nhiều nhương này**. Lời Chúa mời gọi chúng ta trở nên thơ bé, ước ao chạy đến với Chúa Giêsu, nhất là trong những ngày này, **khi không biết chạy đến cùng ai;** và muốn chạy, cũng không được! Đừng quên, từ ngày học vỡ lòng, chúng ta có thể **Rước Chúa thiêng liêng;** và Chúa Giêsu có **trăm ngàn vạn cách để chạm đến linh hồn chúng ta**. Và một khi Ngài chạm đến, ‘vô vàn ân sủng’ của Ngài cũng được tuôn đổ cho chúng ta. Kể từ đó, chúng ta cũng có những chọn lựa tuyệt vời như cha Kolbe đã chọn; như những anh chị em tình nguyện chọn lên xe đi đến các bệnh viện dã chiến để chăm

sóc bệnh nhân. Với ân sủng Chúa, nào ai biết, những chọn lựa của chúng ta có khi còn bất ngờ và đáng ngạc nhiên hơn! Tại sao không?

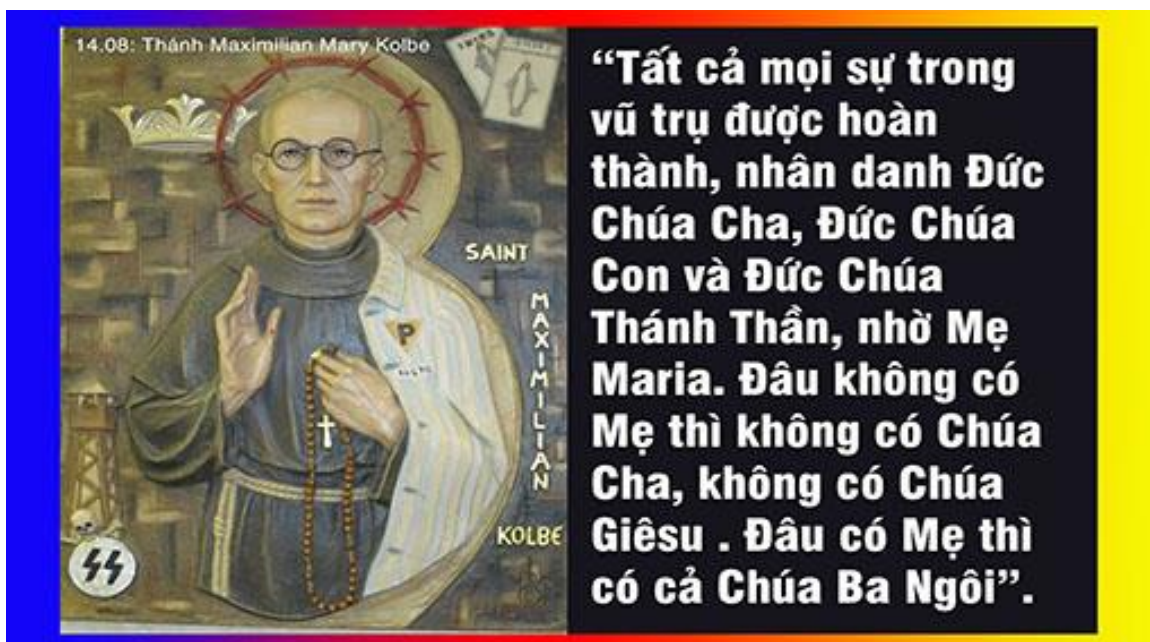
Chúng ta có thể cầu nguyện,

“Lạy Chúa, xin cho con biết **mở lòng đón nhận ‘vô vàn ân sủng’** Chúa muốn trào tràn trên con. Xin biến đổi con, **để con có thể lựa chọn những gì Chúa đang sốt ruột chờ đợi nhất ở nơi con!**”, Amen.

(**Lời nhắn:** mọi người đều có thể yêu cầu được nhận bài suy niệm tương tự của cùng tác giả **trong mỗi ngày**, xin liên lạc qua email: minhanhhue06@gmail.com – xin cảm ơn).

Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ

Hẹn gặp lại





Mẹ Maria chính là hiện thân của Thánh Thần, vì Mẹ đầy ơn phúc. Thánh Thần Chúa thì vô hình, nhưng mọi nét của Thánh Thần đã được diễn qua Đức Mẹ, như kinh cầu Đức Mẹ đã từng kể ra.

14.08: Thánh Maximilian Mary Kolbe

ST. MAXIMILIAN
KOLBE



“Thiên Chúa cho phép mọi việc xảy ra để nhằm đến một phúc lành lớn hơn.”

14.08: Thánh Maximilian Mary Kolbe



chính sự vâng phục, và chỉ có sự vâng phục mà thôi, mới cho ta biết chắc ý muốn của Thiên Chúa.

14.08: Thánh Maximilian Mary Kolbe (1894-1941)



chúng ta hãy để Mẹ hướng dẫn, hãy đưa tay cho Mẹ dắt dìu, hãy sống yên hàn dưới sự dẫn dắt của Mẹ ; chính Mẹ sẽ chăm sóc và tiên liệu mọi sự cho chúng ta, sẽ mau mắn cứu giúp, đáp ứng những nhu cầu hồn xác, đẩy lui những khó khăn phiền toái cho chúng ta.

14.08: Thánh Maximilian Mary Kolbe (1894-1941)

Trại tập trung Auschwitz



VỀ MỤC LỤC

HUẤN LUYỆN TÌNH DỤC CHO TRẺ EM & KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH?

TÔI TIN, CHÚNG TÔI TIN:

HUẤN LUYỆN TÌNH DỤC CHO TRẺ EM & KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH?

Bác Sĩ NGUYỄN TIẾN CẢNH, MD.

BBT CGVN

Chuyên mục:
TÔI TIN, CHÚNG TÔI TIN:

HUẤN LUYỆN TÌNH DỤC CHO TRẺ EM & KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH?

Bác sĩ NGUYỄN TIẾN CẢNH, MD.

Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/3j4lqmK>

Trước khi đi vào vấn đề tưởng cần nói qua về **Kế Hoạch Hóa Gia Đình** / Planned Parenthood. Việt Nam ta dịch Planned Parenthood là Kế Hoạch Hóa Gia Đình (KHHGD). Kế hoạch này trong **thực tế có thực sự biểu hiện đúng với danh xưng đẹp đẽ của nó về Gia Đình không?**

Đây là một cơ quan chuyên giúp người phụ nữ về vệ sinh nữ giới, giúp họ hiểu biết về sức dục và các bệnh truyền nhiễm liên hệ, huấn luyện và giúp các phương tiện để phòng bệnh và chữa bệnh, **cách thức ngừa thai, cung cấp thuốc và phương tiện ngừa thai; và nếu rủi ro có thai thì phá thai. Nếu bác sĩ gia đình từ chối phá thai thì họ sẽ chỉ dẫn và giúp đỡ. Đây là công tác chính của kế hoạch đã được chính phủ yểm trợ và cung cấp tài chính.**

Bà Monica Cline, **một cựu huấn luyện viên về tình dục của chương trình KHHGD đã phản đối Chương Trình này.** Bà không chấp nhận hành động **“tình dục hóa” con trẻ mà không cho cha mẹ chúng biết về “những hình ảnh xấu xa đó”,** và khi có thai thì coi những hài nhi chưa được sinh ra **không phải là con người mà như là loài vật** (dehumanizing). **Bà biết vậy -bà nói- bởi vì bà đã được huấn luyện và dạy bảo tại một cơ quan phá thai lớn nhất nước.**

Bà Monica Cline được Kế Hoạch Hóa Gia Đình huấn luyện và đã trở thành chuyên viên huấn luyện về tình dục cho trẻ em của KHHGD. **Hiện nay bà đã cải đổi tư tưởng và hành động, trở thành một người Bảo Vệ Sự Sống. Bà không còn ủng hộ phá thai, bà đứng hẳn về phía Bảo Vệ Sự Sống. Hiện bà là một luật sư phò sự sống, đồng thời là sáng lập viên của tổ chức lấy Gia Đình làm gốc.** Bà tán thành phán quyết của Tòa Án Tối Cao tại Iowa là, tiểu bang có thể ngăn cản Chương Trình huấn luyện tình dục của KHHGD khỏi các trường công lập, đã được liên bang cấp ngân khoản. Bà chỉ trích việc làm của KHHGD tại tiểu bang Iowa và trên toàn quốc.

Bà Cline đã nhận ra phán quyết “đặc biệt” của Tòa Tối Cao Iowa trong chương trình Phò Sự Sống hàng tuần của đài truyền hình EWTN thuộc Công Giáo hôm 8-7-2021.

Chương trình huấn luyện con trẻ về tình dục của chương trình KHHGD thì rất tinh vi và nguy hiểm vô cùng.

“Những chương trình này được thiết lập là để dạy cho trẻ em biết về dục tính / sexuality để chúng trở thành những đứa trẻ thông thạo và ham mê tình dục, sexually active”, -bà nói. Còn những chuyện khác như cố gắng tránh đụng chạm, tình dục trai gái thì họ không bao giờ nhắc tới.

“Những chương trình này nhắm vào việc tình dục hóa con trẻ và dẫn đưa chúng đến phá thai”, bà cẩn thận nhắc lại như vậy. Bà cũng báo động: **“giáo dục để hiểu biết về tình**

dục là chuẩn bị cho con trẻ và dùng chúng như là dụng cụ quảng bá phá thai và dẫn đưa đến phá thai.”

Bà Cline đã được Giám Đốc Huấn luyện tình dục của Chương Trình KHHGD tại Austin, Tx hướng dẫn. Một trong những bài học đầu tiên mà bà phải học là “làm sao để sửa chữa, uốn nắn những đứa trẻ đi vào hướng tình dục khi chúng lên 10 tuổi.” “Cần phải để ý quan sát chúng xem dục tính của chúng đã nảy nở và đến độ ham muốn tình dục chưa. Nếu chúng chưa đến mức đó thì rồi chúng sẽ đến mà thôi -thầy dạy của bà nói với bà như vậy. Công tác và trách nhiệm của chúng ta là những nhà giáo dục về tình dục, là dạy cho chúng biết tất cả những hình thức về tình dục để bảo đảm chúng ít gặp nguy hiểm nhất.”

“Triết lý và mục đích của họ là làm cho con trẻ của chúng ta có dục tính cao độ”, bà Cline nhấn mạnh. Họ cho rằng **“kiêng kỵ là chuyện khô hạn, và cha mẹ là những rào cản của công tác của họ”,**

Bà Cline đồng ý **phá thai làm đổ vỡ gia đình**, nhưng bà còn nhấn mạnh thêm: **“Tất cả mọi sự đều bắt đầu ở việc giáo dục con trẻ về dục tính, it all begins with sex education”, tức là dẫn đưa chúng tự do đi vào con đường nhục dục vô luân tội lỗi.**

Chúng tôi trình bày vấn đề này **để quý vị, những bậc cha mẹ, ngay cả giới trẻ biết và hiểu tình trạng hiện nay ở những nước văn minh trên thế giới nó là như vậy, để phòng ngừa hầu tránh khỏi những sa đọa có thể hủy hoại cá nhân, gia đình, xã hội và cả đất nước.** Bồn phận của cha mẹ và những nhà giáo dục chân chính nên để ý, quan sát con em mình để hướng dẫn chúng theo đường ngay nẻo chính đúng với Giáo Huấn của Giáo Hội và luân thường đạo lý, phong tục cổ kính của đạo làm người. Không nên để chúng buông thả theo dục tính con người. Còn làm thế nào thì tùy các bậc cha mẹ, tùy hoàn cảnh, tùy địa phương, tùy tôn giáo, tùy giáo dục và lễ phép gia giáo của gia đình. Đối với người Công Giáo, chắc chắn chúng ta không thể quên cầu nguyện, xin Thiên Chúa, Mẹ Maria và các thánh cầu bầu giúp đỡ.

Tin sau cùng của Công Giáo

Bà Cline phát biểu: **“Cha mẹ bây giờ không còn quyền giáo dục con cái nữa. Chính phủ thay thế cha mẹ, biến chúng thành những kẻ mất nhân tính bởi hành động sắc dục không cần qua hôn phối. Rồi khi có thai thì lại coi những hài nhi chưa được sinh ra không phải là người mà như một con vật hay đồ vật có thể vất bỏ tùy tiện qua hành động phá thai thả giàn.”**

Fleming Island, Florida

July 12, 2021

NTC

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

I-Nhập đề

1-Thượng Đế hay Thiên Chúa đã tạo dựng nên vũ trụ và nhân loại và cho nhân loại sử dụng mọi sinh, thực, khoáng vật trên thế trần để xây dựng cuộc sống hạnh phúc đời đời, kiếp kiếp. Nhưng tổ tông của nhân loại đã sa ngã, phản lỗi nghĩa cùng Thiên Chúa. (Genesis 3). Tội bất tuân Thiên lệnh và ăn trái cấm là tử tội (mortal sin) mà hậu quả di hại đến đời sống của nhân loại. Con người thì yếu đuối, dễ bị cám dỗ, nên sa ngã. Tuy nhiên, có luân lý ràng buộc nhưng nếu không có tự do lựa chọn thì nhân loại không thể chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Vì thế, hễ có luật cấm thì cũng có tự do lựa chọn làm lành, lánh dữ hay ngược lại. “There can be no morality without freedom. It is only in freedom that man can turn to what is good”.

2-Thiên Chúa có thể ngăn cản ông Adong và bà Eva sa ngã, nhưng vì tôn trọng **ý chí tự do** (free will) mà Chúa đã ban cho nhân loại nên không ra tay cấm đoán. “God left man in the power of its own counsel” (Sirach 15:14). “God could have easily compelled Adam and Eve to conform to His command, but He didn't. Even though He knew they were making a bad decision, He respected their freedom enough to allow them to make it. The freedom to do good implies the freedom to reject the good. (Gaudium es Spes. 11).

3- Vì có sự lựa chọn, nên tự do có thể phân ra hai loại: Tự do chân chính là tự do làm việc chính trực và tự do giả hình là tự do làm điều bất chính. Tự do chân chính là tự do chọn lành, lánh dữ là loại tự do biểu hiện ý Trời trong lòng người.” Genuine freedom is an outstanding manifestation of the divine image in man. For God willed to leave man in the power of his own counsel (Sirach 15:14) (VS 34). Vì không chọn tự do chân chính, tổ tông nhân loại đánh mất bản tính trường sinh, bất tử mà phải chịu đựng mọi gian khổ kể cả sinh, lão, bệnh, tử về thể xác và khi chết, linh hồn cũng không được cứu rỗi.

4- Thiên Chúa tạo ra vũ trụ và nhân loại như một tuyệt tác. Mặc dù, nhân loại sa ngã nhưng Thiên Chúa không muốn huỷ hoại tuyệt tác đó vì lòng thương yêu của Ngài đối với nhân loại. Ngài là Đấng Công Chính, nghĩa là phải đối xử công bằng, có công thì thưởng và có tội thì phạt, để duy trì trật tự cho vũ trụ (moral order of the universe). Một mặt giữ tư thế công chính, thưởng phạt công minh, mặt khác vì (1) thương yêu nhân loại không đành lòng xử phạt (2) nhân loại cũng không đủ khả năng đền bù tội lỗi của mình gây ra và cũng không đủ khả năng để cứu lấy chính mình. Để công, tư vẹn cả hai bề. Thượng Đế là Tình Yêu (Love) nên khi thấy nhân loại trầm luân đã nhủ lòng thương xót, ân xá (pardon) cho nhân loại bằng cách gởi con Một của Ngài là Chúa Giêsu nhập thể làm người, mặc lấy nhân tính (humanity) đồng bản thể với nhân loại để có thể cứu rỗi nhân loại. “God so loved the world that he gave his only Son” (Jn 3:16).

5-Trong tác phẩm Cur Deus Homo (Why God was a man-Tại sao Chúa xuống thế làm người) Thánh Anselm nguyên Tổng Giám Mục Canterbury, Anh Quốc, năm 1096, nhận định:

“Owing to the Fall and mankind's fallen nature ever since, humanity has offended God. Divine justice demands restitution for sin, but human beings are incapable of providing it, as all the actions of men are already obligated to the furtherance of God 's glory. Further, God's infinite justice demands infinite restitution for the impairment of his infinite dignity... Instead, full recompense could only be made by God, which His infinite mercy inclines Him to provide. Atonement for humanity, however, could only be made through the figure of Jesus, as a sinless being both fully divine and fully human. Taking it up himself to offer his own life on our behalf, his

crucifixion accrues infinite worth, more than redeeming mankind and permitting it to enjoy a just will in accord with its intended nature...”

6-Với **Nhân tính** (humanity): Chúa Kitô phá hủy tội lỗi cho nhân loại “Con Một Thiên Chúa trở thành con người để cho nhân loại trở nên con cái Thiên Chúa” (Sermon 194:3-4. Với nhân tính, Chúa Kitô thông cảm với mọi đau khổ và hy vọng của con người. Chúa Giêsu chữa lành mọi đau khổ cho những ai nhận lãnh ơn Chúa. Vì tội phản nghĩa cùng Thiên Chúa là tử tội. Muốn thoát tử tội phải có “**người chết thế**”, nên Chúa Giêsu đã xuống thế làm người, chịu đóng đinh trên cây Thánh giá để chuộc tội cho nhân loại. Chúa Giêsu đã vâng phục Đức Chúa Cha, tự thoát khỏi thần tính của mình (kenosis), để hòa đồng với nhân loại. Thiên nhân hợp nhất (hypostatic union) mới có tư cách đại biểu cho nhân loại nhận lãnh sứ mệnh tự hiến mình để làm hy lễ đền tội thay cho nhân loại.” (Phil 2:5-11). (Thời thế chiến thứ hai, trong một trại giam của Đức Quốc Xã, mỗi ngày trại bốc thăm xử tử một tù nhân. Anh John Doe chẳng may bị bốc trúng tên, anh khóc la thảm thiết vì vợ trẻ, con thơ đang chờ đợi anh về. Trong hoàn cảnh thương tâm đó, một vị Linh mục đến nghị với trưởng trại chết thế cho anh John. Ít lâu sau, trại được quân đồng minh giải cứu. Anh John được sum hiệp với gia đình, đã bán gia sản, xây tượng đài tri ân vị Linh mục. Vào thời đế quốc La Mã, có trò chơi giác đấu, các đấu sĩ (gladiator) chém giết nhau để mua vui cho vua, quan. Thấy trò chơi dã man, phi nhân tính, một vị Linh mục đã xông vào đấu trường, ngăn cản cuộc đấu, bị loạn đao chém chết. Hoàng Đế La Mã cảm kích trước hành động hy sinh của vị tu sĩ đã ban chiếu lệnh huỷ bỏ trò chơi giác đấu.

7-Với **Thiên tính** (divinity): Chúa Giêsu phán “Ta và Cha ta là Một” (Jn 10:30), “Ai thấy Ta thì thấy Cha Ta” (Jn 14:9). “Thiên hà ngôn tai”. Thiên Chúa Cha không nói gì mà nói qua Chúa Giêsu Kitô giảng trần. Chúa Kitô là Ngôi Lời (Logos) truyền thông mệnh Trời với nhân loại.

8-Thánh Phaolô đã nói “Ta đã được thanh tẩy trong Chúa Giêsu Kitô. Chính trong sự chết của Người mà ta được thanh tẩy... tất cả anh chị em cũng vậy, hãy coi mình như đã chết với tội lỗi và đang sống lại trong Chúa Giêsu Kitô”. Nghĩa là “Tôi sống, nhưng không phải tôi sống, chính Chúa Kitô đang sống trong tôi” (Gal 2:20). “I have been crucified with Christ. It is no longer I who live, but Christ who lives in me” (Gal 2:20).

9-Mầu nhiệm tử nạn để chuộc tội cho nhân loại và sống lại là Mầu nhiệm Cứu độ (Miracle of Redemption). **Mầu nhiệm cứu độ thể hiện:** (1) Tình yêu hằng hữu của Thiên Chúa đối với nhân loại, một mối tình cao thượng, cho không biếu không. (2) Chúa xuống thế để nối lại nhịp cầu giữa Thiên Chúa và nhân loại vì mối liên hệ này đã bị gián đoạn từ khi Ông ADong và Bà Eva phạm tội, bất tuân Thiên lệnh. (3) Chúa Giêsu đã chết đi và sống lại để những ai tin và thờ phượng Thiên Chúa cũng sẽ được cứu rỗi. (4) Mầu Nhiệm Cứu Độ là một *Quà tặng* (Gift) của Thượng Đế ban cho nhân loại và cũng là *lời mời gọi* (invitation) nhân loại đón nhận Mầu Nhiệm Cứu Độ của Chúa. (5) Những ai chấp nhận lời mời gọi của Chúa sẽ được sống đời đời. (6) Cuộc tử nạn của Chúa Giêsu nhằm cứu rỗi và kết hiệp con cái của Chúa đã tản mác thành một khối duy nhất. “To gather into one the children of God who are scattered abroad” (Jn 11:52) và kết hiệp Thiên sự với Thế sự “and to unite things in heaven and things on earth”. (Eph 1:9-10).

II- Cứu Nhân Độ Thế:

Sau khi quán triệt được các ý niệm căn bản nêu trên, chúng ta thử bàn về tiến trình sống đạo của nhân thế qua ba giai đoạn: (1) Tìm kiếm Thiên Chúa, (2) Gặp gỡ Thiên Chúa và (3) Sống theo giáo huấn của Thiên Chúa.

10- Hãy để cho tâm hồn những ai đang tìm kiếm Thiên Chúa hưởng tận niềm vui. “Let the hearts of those who seek the Lord rejoice” (Ps 105:3) 9-. Chúa đã phán ta là “Ánh sáng, là Chân lý, là sự Sống, ai theo ta sẽ được sống đời đời.” (Jn 4:16). Ánh sáng giúp con người được đặc đạo. “The True light that enlightens everyone (Jn 1:19); và Chân lý sẽ cứu rỗi con người. “You will

know the truth the truth will make you free” (Jn 8:32). Từ cổ chí kim, nhân thế không ngừng đi tìm chân lý cơ hồ như không bao giờ biết mệt mỏi. Chủ đích là để tìm giải đáp cho các vấn nạn về Thiên Chúa, vũ trụ, đời người và người ở đời. Nhìn chung từ Âu sang Á, triết lý nhân sinh được dựa trên hai tín niệm hệ chính là Hữu thần và Vô thần. Hữu thần tin tưởng vũ trụ và nhân loại do một vị Thần được mệnh danh là Thượng Đế, Zeus, Dieu hay God sáng tạo. Con người có linh hồn và linh hồn bất diệt. Vô thần không tin vào sự hiện hữu của Thần linh, con người không có linh hồn, tự nhiên được sinh ra và chết là hết. Nhân thế tìm kiếm Thiên Chúa do (A) Ước vọng bẩm sinh, (B) Cảm nghiệm trước sự huyền diệu của vũ trụ (C) Nhu cầu nhân bản (D) Giáo huấn của Giáo Hội.

A- Tìm kiếm Thiên Chúa do Ước Vọng Bẩm Sinh

11-Phàm là nhân sinh, mỗi người trong chúng ta đều có nhu cầu và ước vọng. Nhu cầu về thỏa mãn đời sống vật chất, tìm kiếm hạnh phúc và nhu cầu về tinh thần như thỏa mãn sự hiểu biết để thoát khỏi sự băn khoăn, khắc khoải về nguồn gốc hay thân phận của mình. Tìm kiếm Thiên Chúa để thỏa mãn nhu cầu tinh thần, tìm giải đáp cho những vấn nạn về sự biến hóa khôn lường của vũ trụ, với bốn mùa thay đổi, sự sống, sự chết, tiền kiếp, hậu lai.

12-Ước vọng tìm kiếm Thiên Chúa đã có sẵn khi con người mới chào đời là ước muốn bẩm sinh (innate desire) vì Thiên Chúa tạo dựng con người theo hình ảnh của Thiên Chúa. Thiên Chúa, mời gọi con người hướng về Thiên Chúa. **“Con người không thể sống hạnh phúc toàn vẹn nếu không biết đến Thiên Chúa** *“Only in God will he find the truth and happiness that men never stop searching for”* (CCC 27).

13-Thánh Augustinô đã xác quyết: Khi con kết hiệp với Chúa thì con được tràn đầy ơn Chúa, con không còn lo âu, không còn thử thách, hưởng được đời sống toàn diện, sung mãn. *“When I completely united with God, there will be no more sorrow or trials; entirely full of God, my life.”* *“Lạy Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cấy, lấy bát cơm đầy, lấy khúc cá to”.* *Muôn sự thi chi cũng tại Trời (Nguyễn Du).*

B- Tìm kiếm Thiên Chúa do cảm nghiệm về sự Huyền Diệu của Vũ Trụ

14-Nhà Bác học nổi danh Albert Einstein đã cảm nghiệm sự huyền nhiệm của Tạo Hóa với câu nói bất hủ. *“L’homme auquel le sentiment du mystère n’est pas familier, qui a perdu la faculté de s’émerveiller, de s’abîmer dans le respect, est comme un homme mort”*. Người mà không biết say đắm trong niềm tôn kính trước những huyền bí của vũ trụ, thì chẳng khác gì người đã chết.

15-Tự tận đáy lòng, nhân thế luôn luôn hướng về chân lý và khao khát tìm hiểu về chân lý. Sự tìm kiếm không biết mệt mỏi để tìm hiểu tận cùng sự vật (cách vật trí tri- extension of knowledge through investigating things) là bằng chứng hùng hồn chứng minh cố gắng của nhân loại. *“In the depth of his heart there always remains a yearning for absolute truth and the thirst to attain full knowledge of it. This is eloquently proved by man’s tireless search for knowledge in all fields.”* (Thông Điệp Veritatis Splendor). Sự khao khát bẩm sinh này thể hiện qua vũ trụ quan của nhân loại Đông phương cũng như Tây phương:

(1) Vũ Trụ Quan của Đông Phương

16-Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, vào đầu tháng 11 năm 1999, trong cuộc viếng thăm Ấn Độ, đã công bố Tông Thư: *Giáo Hội tại Á Châu*: **“Giáo hội Công giáo tỏ lòng cung kính và ngưỡng mộ** tất cả truyền thống tinh thần của các Tôn Giáo Á Châu và muốn dẫn thân trong cuộc đối thoại chân thành với các tín hữu của các tôn giáo. Những giá trị tôn giáo mà các đạo giáo dân gian giảng dạy đang chờ đón sự viên mãn trong Đức Giêsu Kitô”. *“Asia is also the cradle of the world’s major religions—Judaism, Christianity, Islam and Hinduism. It is the birthplace of many other spiritual traditions such as Buddhism, Taoism, Confucianism, Zoroastrianism, Jainism,*

*Sikhism and Shintoism. Millions also espouse traditional or tribal religions, with varying degrees of structured ritual and formal religious teaching. **The Church has the deepest respect for these traditions and seeks to engage in sincere dialogue with their followers. The religious values they teach await their fulfilment in Jesus Christ.***

17-Tông Thư Veritatis Splendor và Ecclesia in Asia giúp chúng ta am hiểu thêm công việc của Chúa Thánh Linh qua các phương cách cứu rỗi tiềm ẩn thêm vào chủ trương “Ngoài Giáo hội Công giáo, không có sự cứu rỗi- Extra Ecclesiam, nulla salus” và “No one can enter the Kingdom of God unless he is first born of water and Spirit. (Jn 3:5).

Từ thuở tạo thiên lập địa, từ Đông chí Tây, từ Nam chí Bắc, con người đã tin vào một Đấng Tạo Hóa toàn năng, là đệ nhất tác nhân, (First Cause/agent) tạo nên muôn loài và vũ trụ. Thánh Thomas Aquino, qua sách Tổng Luận về Thần học- Summa Theologiae, đã minh xác:” Thiên Chúa nội tại (immanent) ở trong vạn vật và trong nội tâm hay lương tri của mỗi người nên trên bình diện tự nhiên, Thiên Chúa đã hiện hữu trong tâm trí họ rồi”. Vì thế Thiên Chúa đã ẩn tàng trong tâm hồn của nhân thế. **Người Tín hữu Thiên Chúa Giáo chân chính không những phải yêu chuộng những người đồng tín ngưỡng mà cả những người không cùng tín ngưỡng nhưng có lòng thành.** Công đồng Vatican II trong Hiến chế Vui Mừng và Hy vọng (Gaudium et Spes,4) đã nhắc nhở tôn chỉ này với hàng giáo phẩm : The Church Pastors... speaking with love and mercy not only to believers but to all people of good will” vì ơn Cứu Độ của Chúa được ban cho mọi người, không kể lương hay giáo. “Salvation is open to all”.

18-Để xác minh ý niệm cứu rỗi một cách rộng rãi, Công Đồng Vatican II đã tuyên bố đối với những ai, không vì lỗi của họ, không biết gì về Chúa Giêsu Kitô và Giáo hội của Ngài, nhưng cố công tìm kiếm Thiên Chúa với lương tâm chính trực, có thể được sự sống đời đời Vì lòng thành và chân lý tìm thấy trong những người này chờ đón sự viên mãn trong Đức Giêsu Kitô. *“Those who without any fault do not know anything about Christ or His Church, yet who search for God with sincere hearts and under the influence of grace, try to put into effect the will of God as known to them through the dictate of conscience...can obtain eternal salvation”* (Hiến chế Lumen Gentium 16).

Với “Tình nhân loại hỗ tương và bác ái cộng đồng cố hữu của Giáo Hội được nói rộng”. Tinh thần tôn trọng tự do, các quyền căn bản căn bản mà Thượng đế đã ban cho loài người, chống lại áp bức của bạo quyền đã gây ảnh hưởng lớn lao giúp cho dân chúng của các dân tộc dị giáo và công dân La Mã đã trở lại Thiên Chúa Giáo khiến cho Thiên Chúa Giáo trở thành quốc giáo của Đế Quốc La Mã vào thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên. Hoàng Đế La Mã Constantine. (A.D.306-337) cũng đã trở lại đạo. *“It was the Christian spirit of mutual love and communal charity that astonished and impressed the pagans and the Romans”*. Sự hiện hữu của giáo dân trong các tổ chức là bước khởi đầu cho công cuộc thánh hoá. Sự tham gia vào các tổ chức văn hoá, xã hội, chính trị ...phải đặt trên căn bản thánh thiện, nhằm mục đích phục vụ phúc lợi chung, tránh vấn đề ủng hộ hay phản đối mù quáng, không vì phe phái mà quên rằng thiên hạ đang nhìn mình như là một chi thể của giáo hội, xử thế không đúng cách sẽ bị xem như *“cành nho khô héo, sẽ bị cắt, bỏ vào lửa mà đốt đi”*. (Jn. 6:16)

19-Theo triết học Đông phương, Vũ Trụ là thập hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây bắc, Tây bắc, Thượng và Hạ. Trụ là cái trục mà các hướng muôn đời vẫn xoay quanh. Từ đời vua Nghiêu (2356 BC), vua Thuấn (2255 BC), trước Công nguyên, đã có công trình nghiên cứu về vũ trụ và biểu thị các hành chất chính (original material) luân lưu trong vũ trụ như Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và tạo nên thuyết Âm, Dương Ngũ hành. Thuyết Âm Dương Ngũ Hành được ghi chép trong kinh Dịch, (Book of Change), sách nói về sự biến hóa huyền diệu của vũ trụ, biểu tượng bằng hình Thái Cực.

20-Thái cực được biểu tượng bằng một hình vòng tròn. Một nửa, bán nguyệt, màu đen có chấm trắng: Màu đen biểu tượng cho Âm và chấm trắng biểu tượng cho Dương, nghĩa là trong âm có dương. Và một nửa màu Trắng biểu tượng cho Dương, có chấm đen, nghĩa là trong dương có âm. Âm và Dương luôn luôn điều hòa mọi biến hóa của vũ trụ và nhân sinh. Trong đàn ông có cái nhu mì của đàn bà và trong đàn bà có cái cương trực của đàn ông. Âm Dương hòa, gia đạo thành! Gia đạo thành thì thôn xóm an vui, quốc gia hưng thịnh, thiên hạ thái bình.

21-Kinh Dịch là một cuốn kỳ thư nói lên kỳ công của Thượng Đế (natural laws) tạo dựng nên vũ trụ từ một bầu khí vô cực gọi là Nguyên Khí (souffle originel), có hai luồng điện chính là Âm (negative - - -) và Dương (positive ---) hay **Lưỡng nghi** (dualités). Kinh Dịch viết “Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh **Tứ tượng** (bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông). Tứ tượng sinh bát quái (8 quẻ) gồm có: Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn... Cao điểm của sự tăng giảm của hai lượng điện Dương và Âm là Kiền và Khôn. Kiền gồm 3 dương và Khôn gồm 3 âm. Kiền thể hiện cho Thiên và Khôn thể hiện cho Địa. Hai quẻ này là đầu mối cho mọi biến chuyển của vũ trụ. Vì thế cổ nhân dùng chữ kép Kiền Khôn hay Càn Khôn để chỉ vũ trụ hay Thiên Địa. Đây là một phương cách diễn tả sự vận hành của luật âm dương trong vũ trụ.

22-Khi Dương lên quá cao thì tự nhiên sẽ chuyển dần sang Âm. Ngược lại khi âm lên cực điểm sẽ chuyển dần sang dương. Sau cơn mưa trời lại sáng, sau cơn nắng hạn trời lại mưa. Trong một ngày trời nắng đến cao độ vào lúc 12 giờ trưa, thì dần dần chuyển sang âm khi chiều xuống. Âm đến cao độ vào lúc 12 giờ đêm thì dần dần chuyển sang dương khi trời sáng...vạn vật cứ thế mà luân chuyển điều hoà, “hết cơn bỉ cực, tới hồi thái lai”, tránh sự thái quá, thái quá bất cập. Từ đó phát sinh ra quan niệm Trung Dung (Principle of the Mean) ở đời lấy sự trung dung làm tiêu chuẩn tiến hóa”. “Chồng (vợ) giận thì nên bớt lời, cơm sôi bớt lửa”! thì gia đạo được thái hòa.

32-Sự điều hoà Âm và Dương do một Nguyên lý Siêu Việt vận hành. *Nguyên lý Siêu Việt vận hành vũ trụ này gọi là **Đạo***. Đạo là Nguyên lý Siêu Việt, là Thượng Đế, là Thiên Chúa. Chữ Thiên gồm hai chữ: Chữ nhất và chữ lớn hay Lớn nhất là Thiên Chúa hay Thượng Đế, là Đấng Vĩ Đại. Đạo còn có nghĩa là Logos, Ngôi lời, Verbum, Word of God ám chỉ Đấng Cứu Thế là nguyên thủy và cũng là cứu cánh (Alpha and Omega). (LM Đường Thi). Suy rộng ra, đáng cứu thế qua mỗi thời đại, tùy quan niệm của mỗi tôn giáo, là Chúa Giêsu, là Đức Phật, là Đức Khổng , là Đức Lão....

24-Thánh Kinh ghi về sự hình thành mặt Trời và mặt Trăng “God made the two great lights, the greater light to rule the day, and the small one to rule the night”. Nhà Bác học Newton ca ngợi công trình của Tạo Hóa: “*His most beautiful system of sun, planets and comets could only proceed from the counsel and dominion of an intelligent and powerful being. God was an active agent sustaining the heavenly bodies in their positions and solicitous of His special creation, man*”. Thái Dương hệ vận chuyển đúng theo phương vị nhờ vào tài năng siêu việt của Đấng Tạo Hóa. Khoa học là môn học nghiên cứu, tìm hiểu và giải thích những sự vật đã có sẵn trong vũ trụ, nhưng sự khám phá còn rất hữu hạn. Phần thiếu sót dành cho Thần học và Triết học bổ sung Khoa học nguyên gốc phát sinh từ triết học vì tư tưởng lên khuôn cho hành động.

25-Theo Tứ Thư và Ngũ Kinh do Đức Khổng Tử san định, lời kinh cầu trong nghi lễ Tế Trời hằng năm cầu cho mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an, từ đời nhà Chu (1122-255 BC, trước Công nguyên, được phổ biến qua các triều đại của Trung Hoa, và các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc như Đại hàn, Nhật bản, Việt nam.

26- “Đấng Thượng Đế là vị Hoá Công tạo nên vũ trụ và nhân loại, là chủ tể của lịch sử, căn nguyên của các mệnh lệnh luân lý. Đấng phán xét, thưởng người lành, phạt kẻ dữ. Kinh Thi nói rằng “**Đức Thượng Đế rất lớn, soi xuống dưới rất rõ ràng, xem xét bốn phương để tìm sự khôn**

khổ của dân mà cứu giúp. Vậy nên người bao giờ cũng phải kính và sợ Trời. Kính Trời và sợ Trời là căn bản đạo đức của người Tàu” (Nho Giáo của Trần Trọng Kim).

27- *“Trời rất thông minh nên các thánh quân phải bắt chước Trời, quần thần sẽ khâm phục, dân chúng sẽ an vui* (Sách Thượng Thư). Điều dân chúng ước ao thì Trời cũng chiều theo. *“Dân chi sở dục, Thiên tất tòng chi” “Ý dân là ý Trời”*. (Kinh Thư). *Đã làm người thì ai cũng là con của Trời”*.

28-Trời không phụ kẻ có lòng tốt. *“Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhân”*. Trời sinh ra con người, ban cho con người trí tuệ, có lý trí, có ý chí và tự do, có quyền quyết định, lựa chọn cuộc sống. Con người có cố gắng thì Trời bồi bổ thêm lên, “khi nên Trời cũng chiều người”. Nếu con người biếng nhác thì sẽ bị chi phối bởi luật đào thải (loi de selection). *“Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức”*. Trời hành đạo rất mạnh, người quân tử phải theo mà tự cường không được ngừng nghỉ, bỏ cuộc.

29-Sách Trung Dung cũng nhấn mạnh Trời sinh ra muôn vật tất nhiên vì cái tài lực của mỗi vật mà đôn đốc thêm vào, cho nên vật nào có thể vun đắp được thì vun trồng cho tốt thêm, vật nào nghiêng ngả thì dành chịu lụn bại. *“Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chí”* để khích lệ con người tự lực tự cường thay vì biếng nhác.

30-Theo Thánh Kinh, Chúa cho nhân thể tự quyết định vận mệnh của mình. “God left man in the power of his own counsel”. (Sir 15:14) hay Chacun est l'artisan de sa fortune! Vì thế chúng ta nên: *“Thành tâm, chánh ý vì tư tưởng sẽ phát sinh ra lời nói; lời nói sẽ phát sinh ra hành động; hành động lâu ngày sẽ phát sinh ra thói quen, thói quen sẽ phát sinh ra nhân cách, nhân cách sẽ định vận mệnh của mỗi người!”*

31- *“Vi thiện giả, Thiên báo chi dĩ phúc vi bất thiện giả Thiên báo chi dĩ họa”*. Ai có nhân cách tốt và làm điều lành thì Trời ban phúc cho, ai làm điều chẳng lành, Trời lấy vạ mà báo cho. “Thiện ác đáo đầu chung hữu báo”. Đúng là “Grace respects nature”. Ơn Trời ban ơn tùy bản tính của mỗi người. Vô công bất thọ lộc!. “Vinh danh Thiên Chúa trên Trời, bình an dưới thế cho người thiện tâm”.

32-Đức Khổng Tử viết *“Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong”*. Thuận theo ý Trời thì sống, chống lại ý Trời thì chết. Trên không oán Trời, dưới không trách người, cứ sống bình dị mà đợi mệnh.” Tóm lại, Thiên mệnh chính là ý chí của đấng Tạo Hoá, vô cùng thương dân, chỉ muốn đem lại an hoà, hạnh phúc cho nhân loại mà thôi.

33-Thánh Kinh đã ghi “Christ came not to condemn, but to forgive, to show mercy (Mt 9:13) “Chúa Giêsu xuống thế không phải để trừng trị mà đến để tha thứ và thương xót”. Tất cả các đạo lý trong triết học Đông phương nêu trên đều đang chờ đón sự viên mãn trong Đức Kitô. “The Asian religious values await their fulfilment in Jesus Christ”.

34-Thiên Chúa Giáo đã được truyền bá vào Trung Hoa từ thế kỷ thứ 6, năm 578 đời nhà Đường. Thời mà tại phương trời Tây, dưới thời Hoàng Đế La Mã Theodosius, Công Giáo đã trở thành Quốc Giáo của Đế Quốc La Mã. “In 381, the emperor Theodosius made Christianity the only and official religion of the Roman Empire...a Roman was to be a Christian”. Từ đó có danh xưng Công giáo La Mã. Hễ nói đến Công giáo, thiên hạ nhớ đến La Mã. Hễ nói đến dân La Mã, thiên hạ nghĩ đến người Công giáo. Sau đó nhà thám hiểm Marco Polo đến Trung Hoa giúp nhà Nguyên (Mông Cổ) từ thế kỷ thứ 13 thuật lại những di tích lịch sử của Thiên Chúa Giáo đã tìm thấy như cây Thánh Giá Khải Hoàn cắm vào Bông Sen. Đến năm 1532, Thánh Phanxicô Xaviê đến Nhật Bản và lâm chung trên một hòn đảo thuộc Trung Quốc, hưởng thọ 46 tuổi.

Vị Giáo sĩ truyền giáo nổi danh tại Trung Hoa từ năm 1583 là Linh Mục Matteo Ricci. Ngài thông thạo Hán văn và đã dịch bộ sách Tứ thư (Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung) ra tiếng Latinh và soạn tác phẩm “Thiên Chủ Thực Nghĩa”, xuất bản năm 1603. LM Ricci dùng phương

pháp suy luận và quan niệm về vũ trụ, Thượng Đế của Nho học để trình bày và giới thiệu Thiên Chúa Giáo với dân tộc Trung Hoa. Theo phương pháp thực tiễn là nhà truyền giáo phải am hiểu, thông thạo cả giáo lý lẫn nền văn học, ngôn ngữ của nơi mình giảng đạo.

35- Thánh GH Gioan Phaolô II ngày 25 tháng 10 năm 1982 đã tuyên dương LM Ricci nhân kỷ niệm năm 400 sinh nhật của cố LM Ricci, *“Xưa kia các Giáo phụ của Hội Thánh đã hòa hợp Thiên Chúa Giáo với văn hoá Hy Lạp, thì Cha Matteo Ricci cũng đã xác tín một cách đứng đắn là niềm tin vào Thiên Chúa Cứu Thế sẽ không làm thương tổn cho nền văn hóa Trung Hoa, trái lại còn làm phong phú và kiện toàn hơn nữa”*. (Trích Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo, Đường Thi).

36- Tại Việt nam, năm 1627 Cha Đắc Lộ (Alexandre De Rhodes) cập bến tại Cửa Bạng/ Ba Làng, sau khi đã đến Đà Nẵng năm 1624. Sau 27 năm phục vụ Cha Đắc Lộ đã trở về Roma và đã qua đời tại Iran. Gần đây, một số người Việt đã đến viếng mộ Ngài Ngài thể hiện lòng tri ân Ngài đóng góp công lao cho nền văn hoá Việt bằng cách, cùng với các giáo sĩ khác, sáng chế chữ Quốc Ngữ. “Quốc Ngữ, chữ nước ta” và có công khai sáng Giáo hội Công Giáo Việt Nam.

(2)- Vũ Trụ quan của Tây Phương

37- Theo Thánh Kinh “When God spoke, the mind of the spirit moved, and the chaos was transformed into creation” (Genesis 1). Bên phương trời Tây, từ thế thứ VI, trước Công nguyên, nhiều triết gia Hy Lạp đã nghiên cứu về Vũ trụ và Thần linh qua tác phẩm Thần Minh Luận (Theogony) gồm thi ca và bút ký của Homère và Hésiode để giải thích và luận về vũ trụ. Theo quan niệm cổ sơ này thì sự hình thành của Vũ trụ phát xuất từ Thần Linh. Mỗi vị thần đảm trách một phần vụ. Nỗ lực hình dung vũ trụ khi còn hỗn mang do thần Chaos. Thần Eros được quan niệm là Thần đảm trách quá trình hình thành và tuần hoàn của vũ trụ. Ngoài ra có thần Gaia với bộ ngực vĩ đại để nuôi dưỡng vạn vật và Thần Zeus tượng trưng cho nguyên lý sinh sản với cái bụng chứa được muôn vật.

Vạn vật biến hóa vô lường, nên phải có một nguyên chất cơ bản (matière originelle qui subissait toutes les transformations) và trường tồn để duy trì sự biến hoá. Nguyên chất cơ bản là cái bất biến trong sự luân lưu của vạn vật. Ngoài vũ trụ luận, các triết gia nghiên cứu về chiều sâu của cuộc sống như tư tưởng, tâm lý, giác quan, sự biến dịch, nhân đức, linh hồn, tình yêu... tính cách biến dịch của vũ trụ và nhân sinh với các ý niệm luân chuyển “không ai có thể tắm hai lần trong một dòng sông” “You can never stop in the same river twice”. Con người là thước đo của vạn vật (Man is the measure of all things). Tùy theo cặp kính ta đeo mà mọi vật bên ngoài đều thay đổi, theo chủ quan của mỗi người. No one really knows what is outside of himself.

38- **Triết gia Socrates** (470-399 BC) cho rằng kiến thức là nhân đức, vô minh là tội lỗi “Knowlegde is virtue, ignorance vice”. Con người phải học hỏi bằng nhiều cách. Socrate là người khôn ngoan nhất Athènes vì chỉ có Socrate mới biết rằng ông không biết gì cả. *“Socrate was the wisest man in Athens because he was the only one who knew that he did not know anything”*. Socrate cho rằng chỉ có **Thượng Đế là toàn thiện, toàn mỹ**. Suốt đời, ông phụng sự Thượng Đế và khuyên nhân thế không nên tham lam của cải thế gian mà phải biết lo cho sự thăng tiến của tâm hồn *“He must obey God than man, for knowing that this is the command of God and I believe that no greater good has ever happened in the state than my service to God. For I do nothing but go about persuading you all, old and young alike, not to take thought for your persons or your properties but first and chiefly to care about the greatest improvement of the soul”*. Socrate bị bọn cường hào, ác bá lên án, buộc Socrate phải thu hồi ý tưởng của mình. Socrate giữ khí tiết tử đạo, thà chết vinh hơn sống nhục, đã bị xử chết bằng độc dược năm 399 trước công nguyên.

Triết gia Platon (427 BC), lập Đại học gọi là Academy với châm ngôn: “Người hãy tự biết lấy người - Know yourself”. Làm người không biết tự kiểm thảo thì không có khả năng bồi ưu, bổ

khuyết, là kẻ không đáng sống. Platon quan niệm **con người là linh hồn nhập thể**. Linh hồn và thể xác là hai đơn vị tách biệt, linh hồn bị đóng khung trong thể xác như con sò nằm trong vỏ sò cho đến khi chết linh hồn mới thoát ra. “Platon characterizes man as a soul imprisoned in a body, like an oyster in his shell”.

Thánh Augustinô, cũng trong quan niệm về linh hồn cho rằng linh hồn và thể xác linh thông. Khi Chúa tạo dựng nên con người thì Chúa tạo dựng linh hồn đồng thời với sự tạo dựng thể xác. Linh hồn và thể xác tuy hai mà một. St. Augustine định nghĩa *“Man as a rational soul using a body. A new soul comes into being with each new human being created by God.”* Với quan niệm này, phá thai tức là sát nhân một cách vô nhân đạo vì thai nhi không có sức đề kháng, tự vệ (defenseless)

Triết gia Aristote (384-322 BC) là đồ đệ của Platon. Ông phân biệt tình yêu ra: Tình yêu vị kỷ (selfish love) và tình yêu vị tha (Altruistic love). Với Platon và Aristote, các vị thần được quan niệm như sống trong một thế giới chân lý hoàn hảo, vô hạn và sáng ngời, với chân lý ấy, họ biết được mọi sự. Trong thế giới của thần linh, mọi sự được tắm trong ánh sáng huy hoàng, mọi bóng tối đều bị tan biến hết.

Triết gia/toán học gia Pythagore (570-496) quan niệm bản tính con người có tính cách nhị nguyên: Thể xác là thành tố khả tử, linh hồn là thành tố bất tử. Đời sống đạo đức thiết yếu là liệu thuốc thanh tẩy nhờ đó linh hồn mới thoát ly được...

Triết gia Heraclite (544-484 BC) cho rằng tất cả mọi sự đều luân lưu trôi chảy, tất cả đều biến động như một dòng sông. Tất cả đều luôn luôn thay đổi, không có gì trường tồn, ngưng đọng. “Không ai có thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông biến dịch”.

Triết gia/khoa học gia Democrite quan niệm linh hồn con người được cấu tạo bởi những nguyên tử di động, đó là những nguyên tử tròn trĩnh của lửa. Những nguyên tử ấy được phân phối và vận hành trong toàn thể xác. Nhờ hô hấp mà các nguyên tử trong thể xác được thay đổi, nhờ hô hấp mà sự sống trong cơ thể mới tồn tại được “

C- Tìm kiếm Thiên Chúa do Nhu Cầu Nhân Bản

39- Khi nhân thể nghe được sứ điệp về sự tạo dựng vũ trụ và tiếng nói của lương tâm, thể nhân hẳn cảm nghiệm được sự hiện hữu của Thiên Chúa, là thủy, chung của mọi sự. *“When he listens to the message of creation and to the voice of conscience, man can arrive at certainty about the existence of God, the cause, and the end of everything* (Thánh GH Gioan Phalô II, Thông Điệp Veritatis Splendor (1993).

Thế nhân có trí tuệ, lý trí, ý chí và tự do mà Đấng Tạo Hóa ban cho theo hình ảnh của Hoá Công. Ý hướng về Thượng Đế, tự cổ, theo triết học Tây phương, có liên hệ với nhân thể qua những nhận định: “(1) Thần chỉ thể hiện ra với con người biết nghe tiếng của Thần. (2) Thần liên hệ với con người, và vạch cho họ thấy mặt Thần để con người nhận ra mặt mình; (3) Muốn hiểu về Thân linh, con người phải hy vọng một cái gì không thể hy vọng. Không hy vọng thì không thể gặp được Thần; 4) Nếu không tin tưởng vào Thần, loài người cũng không hiểu được Thần”. **Tin trước, hiểu sau cũng là nguyên tắc hướng dẫn suy tư của Thần học.** (Theology (theo: thần, logy: lời nói).

30- Như vậy Tin là điều kiện của tri thức suy lý, có tin mới hiểu được. (**Credo ut intelligam**). Quan điểm này rất gần với quan điểm của St Thomas Aquino trong Summa Theologiae - Tổng Luận về Thần học.- Thượng Đế tạo dựng nhân loại theo hình ảnh của Thượng Đế *“God himself created us in his image and likeness”*. Hình ảnh đây có nghĩa là của cả Ba Ngôi Thiên Chúa. Ba Ngôi nhưng chỉ một Chúa. Sự hiệp nhất giữa Ba Ngôi vào một bản thể. Cá nhân của mỗi người trong chúng ta và những người khác cũng phải được hiệp nhất thành một bản

thể, thành một Cộng đồng, một quốc gia, Giáo hội Duy nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền.

41-Hội Thánh là một nhiệm thể. Thánh Phaolô sánh Hội Thánh là Thân thể của Chúa Giêsu. Mỗi giáo hữu là chi thể của Hội Thánh, nên giáo hữu phải hoạt động theo phần vụ của mình như các cơ phận trong thân thể phải hoạt động đúng vai trò của mình thì cơ thể mới lành mạnh. Hoạt động trong sự hiệp nhất vì chúng ta được thánh tẩy bằng nước, thể hiện máu của Chúa Giêsu và ơn của Chúa Thánh Thần trong tinh thần hiệp nhất *“For by one Spirit we were all baptized into one body”* (1 Cor 12:13).

D- Tìm kiếm Thiên Chúa nhờ GIÁO HUẤN CỦA GIÁO HỘI

42- Đặc điểm của Thiên Chúa Giáo là tinh thần hòa đồng, không phân biệt tự do hay nô lệ, dân tộc này hay dân tộc khác. Thánh Phaolô đã nói *“Không phân biệt Do Thái hay Hy Lạp; không phân biệt tự do hay nô lệ; không phân biệt nam hay nữ. Tất cả đều duy nhất trong Chúa Kitô. “There is neither Jew nor Greek, there is neither slave nor freeman; there is neither male nor female. For you are all one in Christ”* (Gal. 3:27). Như vậy, nhờ tình nhân loại hỗ tương và bác ái cộng đồng được nở rộng, mà Thiên Chúa Giáo tạo được ảnh hưởng lớn lao khiến cho dân chúng của các dân tộc dị giáo và công dân La Mã đã trở lại Thiên Chúa Giáo. Thiên Chúa Giáo trở thành quốc giáo của Đế Quốc La Mã vào thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên. Hoàng Đế La Mã Constantine. (306-337 A.D) cũng đã trở lại đạo. *“It was the Christian spirit of mutual love and communal charity that astonished and impressed the pagans and the Romans”*. Với quan niệm *“Kết hiệp trong sự khác biệt” (E pluribus Unum/ one out of many*, như đã khắc trên đồng US quarter), mọi người đều là một, nhằm tái tạo sự liên kết theo tinh thần tinh thần Tông Huấn Unitatis Redintegratio (Restoration of Unity), để phụng sự phúc lợi chung của nhân loại, không phải chỉ tạm thời và có tính cách thế tục, mà còn mang ý nghĩa siêu nhiên là nhân loại chung quy vẫn liên kết với Đấng Tạo hóa, dù đang sống qua các hình thức thờ phượng khác nhau.

43-Sau Công Đồng Vatican II, ĐGH Paul VI ban hành Tuyên Cáo *“Nostra Aetate”* về Liên Tôn. ***“Ngài tuyên bố Giáo Hội Công giáo không bài bác bất cứ những gì là chân thực và thánh thiện nơi các tôn giáo khác và nhất mực tôn trọng những cách thức hành đạo và nếp sống, các điển mô và giáo huấn của các tôn giáo khác, tuy có nhiều điểm khác biệt với chủ trương mà Giáo hội Công Giáo duy trì, nhưng cũng thường phản ánh lại chân lý chiếu soi cho hết mọi người.-The Catholic Church rejects nothing that is true and holy in these religions. She regards with sincere reverence those ways of conduct and of life, those precepts and teachings which, though differing in many aspects from the principle she holds and sets forth, nonetheless often reflect a ray of that Truth which enlightens all men”***.

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô tuyên bố tiếp: *“Giáo hội phải luôn công bố Đấng Cứu Thế là Ánh Sáng, sự Thật và sự Sống”* (Jn 14:6). Chính trong Ngài, nhân loại tìm được sự sung mãn của đời sống tôn giáo và trong Ngài, Thiên Chúa đã hòa giải mọi sự nơi Ngài (2 Cor 5:18-19). Vì thế Giáo hội khích lệ các con cái mình: Nhìn nhận, bảo trì và cổ vũ cho những thiện ích tinh thần và luân lý và những giá trị trong mọi xã hội và các vấn đề văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác bằng cách đối thoại và cộng tác một cách khôn ngoan và thân tình với các tông đồ của các tôn giáo mà vẫn làm chứng tá của Đức tin và đời sống của Kitô Giáo. (Nostra Aetate - Tuyên Ngôn của Giáo hội Công Giáo với các Tôn giáo ngoài Kitô Giáo.)

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, năm 1993, đã công bố quan điểm của Giáo hội qua Thông Điệp *“Veritatis Splendor/ The splendor of the truth: “Those without any fault do not know anything about Christ or his Church, yet who search for God with a sincere heart and under the influence of grace, try to put into effect the will of God as known to them through the dictate of conscience. ...can obtain the salvation... Nor does Divine Providence deny the helps that are necessary for salvation to those who, through no fault of their own, have not yet attained to the express*

recognition of God “. Như vậy, dù nhiều người, không phải lỗi của họ, không biết (invincible ignorance/ vô tri) để thờ phượng Thiên Chúa, nhưng họ sống cuộc đời thánh thiện và tìm kiếm Thiên Chúa theo lương tâm chính trực vẫn có thể được cứu rỗi.

(Còn tiếp)

VỀ MỤC LỤC

MÀU NHIỆM LỜI CHÚA



LECTIO DIVINA

Tác phẩm:
“THƯỜNG THỨC LỜI CHÚA”

Nguyên tác:
Savourer la Parole de Dieu
Fr. Bernard GAUDEUL
Thérèse Trần Thiết &
Fr. Bảo Tịnh O.Cist chuyển ngữ

Tủ Sách Đan viện Xitô Thánh Mẫu
Tâm Mỹ Ca, Nha Trang.

Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/3ql3ZoU>

Phần thứ nhất

MÀU NHIỆM LỜI CHÚA

I. Lời Chúa và lời con người

Thiên Chúa nói! Từ đời đời, Thiên Chúa tự diễn tả chính mình: Cha cưu mang ý tưởng và bởi thao tác ấy sinh ra Lời. Lời tròn đầy, viên mãn, không chỉ là riêng cho Cha, mà còn là một Nhân Vị, là Ngôi Lời, con của Cha **“là phản ánh về huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa”** (Hr 1, 3), hoàn toàn đồng hình, đồng dạng với Cha và như Cha, chỉ có điều Cha mãi mãi vẫn luôn là Cha.

Lời được nói lên trước hết mọi sự: **“Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời”** (Ga 1, 1). Lời muôn thuở ở trong Thiên Chúa được chỉ định hiệp thông với Nhân Vị: **“Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa”** (Ga 1, 1). Lời hoan hỷ được đón nhận nơi Cha và không ngừng qui chiếu về Cha trong ngây ngất yêu thương.

Lời được thốt ra chỉ vì niềm vui của Thiên Chúa diễn tả màu nhiệm của Cha và Con trong Thần Khí của tình yêu luôn bao phủ và kết hiệp Cha-Con.

Lời được thính lắng bao bọc, con người không thể nghe được. Con người chỉ đến được với Lời qua những biểu lộ trong không gian và thời gian là tạo vật, lịch sử, và việc nhập thể cứu độ.

Trước hết là tạo dựng: **“Lúc khởi đầu Thiên Chúa sáng tạo trời đất”** (St 1, 1). Thiên Chúa dùng Lời để tạo dựng. Thiên Chúa phán: **“Phải có ánh sáng”**. Liền có ánh sáng. Thiên Chúa phán: **“Phải có một cái vòm ở giữa khối nước...”** “Thiên Chúa phán... Thiên Chúa phán...” Lời được vang lên mười lần, và mỗi lần đều được thực hiện.

Lời tham gia vào công trình tạo dựng như một **“tay thợ cả”** (Cn 8, 30), đến nỗi về phần mình, tạo vật cũng phải thốt lên: **“Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa, không trung loan báo việc tay Ngài làm. Ngày qua mách bảo cho ngày tới, đêm này kể lại với đêm kia. Chẳng một lời một lẽ, chẳng nghe thấy âm thanh, mà tiếng vang đã dội khắp hoàn cầu và thông điệp loan đi tới chân trời góc biển”**. (Tv 18, 2-5). **Nhờ Lời, con người mới có thể khám phá ra một chút gì đó về Thiên Chúa**, Đấng Tạo Hoá của mình: **“Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa, thì thật là hiển nhiên trước mắt họ, vì chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ. Quả vậy, những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Ngài, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua những công trình của Ngài”** (Rm 1, 19-20). Qua tạo vật, **Lời đã tự tỏ mình như con đường mặc khải của Thiên Chúa. Và sẽ mãi mãi vẫn còn là như thế**.

Tiếp tục công việc mặc khải này, Lời trực tiếp chất vấn con người. Adam và Evà là hai người đầu tiên được Lời cho thấy ơn cứu chuộc đằng sau tội lỗi (x. St 3, 15) và đề nghị đi vào giao ước. Rồi Lời tiến vào lịch sử, nói với Abraham và hứa cho ông trở thành tổ phụ một dân tộc vĩ đại (St 12, 1-3). Lời còn lặp lại lời hứa ấy với Isaac (St 26, 3-5) và Giacóp (St 28, 13-15). Lời đã chọn Môsê như ngôn sứ cho Giao ước của mình (Xh 19), mà “Mười điều răn” sẽ là nền tảng căn bản.

Từ nay, **“lịch sử dân Israel trở thành “Lịch Sử Thánh”, điều này không có nghĩa là lịch sử đó tốt, đẹp, hoặc nổi tiếng oai hùng hơn lịch sử các dân tộc khác, nhưng vì đó là một lịch sử mà Thiên Chúa đã chọn để vén mở điều bí ẩn”** ... “Do chính Thiên Chúa mà con dân Israel đã nhận được những thông tin chi tiết về việc khai sinh ra dân tộc mình, với đầy đủ ý nghĩa của những biến cố ấy”. (Jacques Guillet, Dieu parle à l'homme, Desclée de Braower, 1994, p. 29-30). **Thiên Chúa tôn trọng con người và tự do của họ**, cả những sự kiện lịch sử và hậu quả của chúng, rồi qua đó tiếp tục thực thi kế hoạch yêu thương của Ngài.

Các ngôn sứ đã khám phá ra kế hoạch kia, được Thần Khí hướng dẫn và linh hứng, cái nhìn của họ vượt trên mọi hình thức bên ngoài họ, thấy được những thứ vô hình, để vạch ra cho người đương thời hành động của Thiên Chúa, qua những sự kiện kinh tế, chính trị, của cộng đồng hay cá nhân. Do đó lời của họ thực ra là Lời của Chúa. Tất nhiên những lời nói kia mang dấu ấn thời đại họ đang sống, với cả tính tình, văn hoá và kinh nghiệm riêng của mỗi người. Người ta nhận ra cách dễ dàng đằng sau sứ điệp, tính khí quý phái của Isaia; sự bén nhảy của một tâm hồn bị dẫn vật và đau khổ của Giêrêmia; lòng can trường bất

khuất của Amốt; một trí tưởng tượng cuồng loạn của Êdêkiel, và cả cuộc sống lừa dối thâm hiểm của Hôsê. Nhưng đích thực Thiên Chúa đã nói bằng giọng nói của họ: **“Sấm ngôn Đức Chúa”**.

Như thế, bởi các ngôn sứ, Lời Chúa nâng đỡ niềm hy vọng của dân trong mọi gian truân, thử thách, và ghi tạc hình ảnh Đấng Cứu Thế cho tương lai. Cũng thế, Lời khấn nguyện với các tác giả Thánh Vịnh, Lời phản chiếu trên đời sống hằng ngày của dân Chúa, qua chiêm ngôn với các bậc khôn ngoan. Lời hát khen niềm hoan hỷ với con người trong Diễm Ca, cũng như diễn tả nỗi sầu muộn với các Giăng viên, những nghi nan và nỗi loạn với Gióp.

Và cuối cùng, nơi Giêsu Nadarét, Lời nhập thể: *“Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ;² nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử”* (Hr 1,1). Nơi Thầy, Lời được mặc khải cách sung mãn. Lời không còn chỉ linh hứng cho người khác, mà chính Lời lên tiếng bằng ngôn ngữ của con người. Lời mặc khải mầu nhiệm của mình bằng ngôn từ của loài người. Lời không chỉ là thuộc loài người, mà là chính con người. **“Chúa Kitô, Con Thiên Chúa làm người, là **Lời duy nhất, hoàn hảo của Cha. Nơi Lời đó, Cha đã nói tất cả, và không còn Lời nào khác nữa**”**. (Sách Giáo Lý của GHCG 65). **Lời này là lời mặc khải duy nhất về Thiên Chúa, là nhà chú giải độc nhất của Cha: “Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả; nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Ngài đã tỏ cho chúng ta biết”** (Ga 1, 18). Con Thiên Chúa mặc xác phàm đã không nói Lời nào **tự ý riêng mình: “Và Lời các con nghe đây không phải là của Thầy, nhưng là của Chúa Cha, Đấng đã sai Thầy”** (Ga 14,24). **“Thật vậy, không phải Tôi tự mình nói ra, nhưng là chính Chúa Cha, Đấng đã sai Tôi, truyền lệnh cho tôi phải nói gì, tuyên bố gì.⁵⁰ Và tôi biết: mệnh lệnh của Ngài là sự sống đời đời. Vậy, những gì Tôi nói, thì Tôi nói đúng như Chúa Cha đã nói với Tôi”**. (Ga 12, 49-50).

Tuy nhiên, vì Giêsu là con người, những Lời của Thầy không thể diễn tả cách hoàn hảo và trọn vẹn Mầu Nhiệm của cá nhân Thầy và Mầu nhiệm về Thiên Chúa. **“Mỗi mầu nhiệm này nói lên cách chính xác, với quyền năng và sự bảo đảm của cái nhìn về chân lý của Thiên Chúa, ... mà chính Lời cũng không thể giải bày trọn vẹn bằng một từ, một câu, ngay cả bằng một chuỗi các bài giảng”**. (Jacques Guillet, op. cit., p. 78). Ngôn ngữ con người có quá nhiều giới hạn. Xưa kia có tiếng Do Thái, Aram, Hylạp và Latinh, ngày nay với những sinh ngữ hiện đại rất nghèo từ vựng, lối phân chia động từ hoặc cú pháp chứng tỏ **sự bất lực của chúng để phiên dịch một cách chính xác và hoàn hảo thực tại về Thiên Chúa**.

Nhưng Thầy Giêsu không chỉ diễn tả bằng lời nói, Thầy nói cả bằng hành động, bằng toàn thể con người của mình. **“Thầy cần tất cả sự hiện hữu, trọn vẹn cuộc sống và cả cái chết, để nói lên những gì Thầy cần nói với chúng ta”**. (Jacques Guillet, op. cit., p. 78). **Thầy không chỉ là một Lời có thể nghe được, mà còn là Lời có thể thấy được nữa. Từng cử chỉ, thái độ, và ngay cả sự thinh lặng của Thầy cũng diễn tả mầu nhiệm Thiên Chúa. Thầy nói**

cho chúng ta lòng nhân ái của Cha, sự dịu dàng khôn sánh, lòng xót thương vô bờ đối với tội nhân, tình yêu thương ưu ái dành cho những người bé mọn, khó nghèo, những yêu sách của sự công chính, một lòng trung kiên không thể lay chuyển của Thầy. Nơi Giêsu Nadarét, Lời còn là thầy thuốc chữa mọi tật bệnh ngoài thân xác cũng như trong tâm hồn. Rốt cuộc, Lời trao hiến trọn vẹn cho con người và vì con người, cách nhiệm mầu dưới dạng Bánh-Rượu trong Bí Tích Thánh Thể và cách cụ thể, bằng chính thân xác treo trên Thánh Giá.

Lời kiện toàn những tiên báo của các ngôn sứ thuở trước, chiếu sáng từ bên trong như một tia phản xạ để hiệp nhất mọi vẻ khác biệt bên ngoài. Như thế, Lời tỏ lộ những bí ẩn ***“rao giảng mầu nhiệm đã được giữ kín từ bao thời đại và qua bao thế hệ, nhưng nay đã được tỏ ra cho dân thánh của Thiên Chúa”*** (Cl 1,26), và biểu hiện trước ánh sáng diệu vời chương trình cứu chuộc của Thiên Chúa cho con người và toàn thể vũ trụ: qui tụ muôn loài trong Chúa Kitô (x. Ep 1). Lời cũng vén mở bản vị của Thiên Chúa hằng sống, và bản vị của người con, Con Thiên Chúa, đồng thời rọi sáng gương mặt của Cha: ***“Philípphê, ai thấy Thầy, là thấy Cha”*** (Ga 14,9) và gương mặt của Con: ***“Này là Người”!*** (Ga 19,5).

Lời mặc xác phàm, đã hoàn tất lễ toàn thiêu trên Thánh Giá, Thiên Chúa đã cho **Lời phục sinh, và Lời mãi mãi hằng sống**. Chính Lời linh hứng cho Phêrô trong ngày lễ Ngũ Tuần, cho Phaolô khi rao giảng trong các hội đường vùng Tiểu Á, trên thành tượng ở Athen, ở Cêsarê và Rôma, tất cả các Tông đồ đã đem Tin Mừng đến tận cùng thế giới. **Họ không phải là Lời, mà là những “kẻ phục vụ” Lời** (Lc 1,2), diễn giải Lời, lặp lại theo kiểu cách của họ, những gì Lời đã cho họ nghe thấy: ***“Vì thế, chúng tôi là sứ giả thay mặt Chúa Kitô, như thể chính Thiên Chúa dùng chúng tôi mà khuyên dạy. Vậy, nhân danh Chúa Kitô, chúng tôi nài xin anh em hãy làm hoà với Thiên Chúa”*** (2 Cr 5,20).

Được đón nhận với niềm tin và viết lại, dưới sự linh hứng và chứng giám của Thần Khí Chúa, Lời trở thành văn bản. Khi đọc hay nghe bản văn ấy là người tín hữu nghe từ chính miệng Ngài và mọi văn bản đều quy hướng về Ngài. **Ta tin vào Sách Thánh như tin vào Thiên Chúa, Đấng đã sai Con Một xuống thế làm Người**. Thầy Giêsu đã chẳng xem Cựu Ước như chứng từ đầu tiên do Thiên Chúa Cha dành cho Thầy đó sao: ***“Các ông nghiên cứu Kinh Thánh, vì nghĩ rằng trong đó các ông sẽ tìm được sự sống đời đời. Mà chính Kinh Thánh lại làm chứng về Tôi. Các ông không muốn đến cùng Tôi để được sự sống. Tôi không cần người đời tôn vinh. Nhưng Tôi biết: các ông không có lòng yêu mến Thiên Chúa. Tôi đã đến nhân danh Cha Tôi, nhưng các ông không đón nhận. Nếu có ai khác nhân danh mình mà đến, thì các ông lại đón nhận. Các ông tôn vinh lẫn nhau và không tìm kiếm vinh quang phát xuất từ Thiên Chúa duy nhất, thì làm sao các ông có thể tin được? Các ông đừng tưởng là Tôi sẽ tố cáo các ông với Chúa Cha. Kẻ tố cáo các ông chính là ông***

Mô-sê, người mà các ông tin cậy. Vì nếu các ông tin ông Mô-sê, thì hẳn các ông cũng tin Tôi, bởi lẽ ông ấy đã viết về Tôi” (Ga 5,39-46). **Và tất nhiên là Tân Ước, trọn vẹn là chứng cứ hùng hồn nhất của Thầy và cho Thầy. Vậy khi nghe Tin Mừng trong Cựu và Tân Ước là ta nghe chính Thầy Giêsu Nadarét.**

Do đó, xuyên qua bộ Sách Thánh, chính Thiên Chúa ngỏ lời với chúng ta. Trải qua bao thế hệ, Lời Chúa “**được diễn tả trong những tác phẩm của con người. Tuy nhiên ý tưởng và ngôn từ đồng thời vừa là của Chúa vừa là của con người.** Đến nỗi **tất cả Kinh Thánh đều do Thiên Chúa, cũng như toàn bộ đều do tác giả được linh hứng**”. (Commission Biblique Pontificale, L’interprétation de la Bible dans l’Église, 15 avril 1993). **Tất cả các bản văn, Cựu Ước hay Tân Ước đều là Lời của Chúa và lời của con người.** Bất luận sự khác biệt về văn viết hay lời công bố, truyền thống các tổ phụ hay suy tư của giới trí thức, các văn thơ khải huyền, các bài tụng ca hay thánh vịnh, những trích đoạn từ Phúc Âm, các thư của Phêrô hay Phaolô... trong Phụng Vụ, Giáo Hội đều mời gọi cộng đoàn tín hữu tôn xưng: **“Đó là Lời Chúa”**. Công đồng Vaticanô II khẳng định niềm tin vĩnh cửu: **“Ngài hiện diện thiết thực trong Lời của Ngài vì chính Ngài nói khi người ta đọc Thánh Kinh trong Giáo Hội”**. (Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh, số 7)

Tuy nhiên chúng ta cần xác định hai điều:

1- Ở một nghĩa nào đó, “Sách Thánh cũng chưa thể đạt được trọn vẹn chiều kích của Lời Chúa: ta có thể phân biệt như dấu vết với thực tại. **Lời Chúa siêu vượt trên mọi cách diễn tả hữu hạn của con người.** Do đó mọi biểu tượng chúng ta có về Chúa Kitô, nhất thiết là nhờ Kinh Thánh, nhưng làm sao Chúa Kitô Giêsu, lại có thể bị đóng khung trong một bộ sách, khi mà: **“Còn có nhiều điều khác Chúa Giêsu đã làm. Nếu viết lại từng điều một, thì tôi thiết nghĩ: cả thế giới cũng không đủ chỗ chứa các sách viết ra”** (Ga 21, 25). (La Foi des catholiques, p. 562-563). **Kitô giáo không phải là “tôn giáo của Sách” như Hồi giáo: “Về phía Hồi giáo, lời Chúa hoá thành Sách; còn Kitô giáo thì Lời Chúa làm Người ... Hồi giáo đến với Thiên Chúa qua một cuốn sách, trong khi Kitô Hữu chúng ta đến với Thiên Chúa bởi một Người, Đức Chúa Kitô Giêsu Nadarét.”** (Jacques Jomier, o.p., dans Cahiers Évangile, no 48, Um chrétien lit le Coran, p. 59).

2- Tất cả sách trong bộ Thánh Kinh không có cùng một sự viên mãn và trọn hảo như nhau về mặt khải. Sự phạm của Thiên Chúa được **thể hiện cách tiệm tiến**. Ta nhận thấy rõ trong Cựu Ước: từ sách Sáng Thế đến sách Khôn Ngoan, biết bao là tiến bộ. Nhất là từ Cựu Ước đến Tân Ước: tiêu chuẩn tôn giáo của các “Thủ Lãnh” không còn như ở sách Tin Mừng nữa! Sách Lêvi không như Thư thứ Nhất của thánh Gioan! Các sách Tin Mừng cho phép chúng ta theo dõi sự phát triển niềm tin của các Tông đồ nơi Thầy Giêsu, và các Thư của thánh Phaolô chứng tỏ độ tăng trưởng, sự hiểu biết của ngài về Mầu nhiệm

Chúa Kitô. Ánh sáng Phục Sinh đã soi chiếu lên trọn cuộc sống và những Lời huấn giáo của Thầy một cách rực rỡ và mới mẻ hơn, nên đã thu hút các Tông đồ tới một niềm tin sâu sắc hơn. Và nhất là ánh sáng đó đã chiếu toả trên Cựu Ước, khiến chúng ta khám phá ra những viễn tượng không thể nghi ngờ nơi những trang sách ấy.

II. Lời khiêm hạ

Lời Chúa không rầm rộ, nhìn về bề ngoài, không có gì khác biệt với lời của loài người: phải vay mượn từng từ ngữ, cú pháp, ngữ pháp, thể loại, đến phong cách hành văn của xã hội loài người, nơi tác giả nó sinh sống. Đúng là “trăm phần trăm” lời của con người.

Nếu không, làm sao con người có thể hiểu được Lời Chúa? **Lời đã tự hạ xuống tới con người. Lời của Chúa trở nên lời của loài người nơi Giêsu Nadaret,** cùng với sự “hạ mình” của Con Thiên Chúa mặc xác phàm, như thánh Phaolô nói. (Dei Verbum 13). Hoàn toàn như lời của loài người: than thở hay kêu gào khi diễn tả sự đau khổ, những chiêm ngôn hay còn gọi là khôn ngoan, dường như trực tiếp đến từ những mái tranh nơi thôn dã của chúng ta. Những khoản luật khô khan được đặt ra, chẳng thể nào lại do những bộ óc thông minh hay con tim nhạy cảm. Tệ hơn nữa là óc tưởng tượng: những dòng lịch sử dài lê thê, tẻ nhạt, lặp đi lặp lại, đôi khi cũng đầy hào hứng, bị lôi cuốn bởi giọng điệu phô trương thành tích, các sấm ngôn đầy vẻ đẹp trong sáng của câu này lại tương phản với vẻ tầm thường và tối nghĩa của những câu kia.

Lời chẳng tiến tới khi ta chưa tỏ dấu mời, cũng chẳng bước vào khi người ta chưa mở cửa. **Lời không hề áp đặt, cũng chẳng lên giọng, mà chỉ để người ta nghe được một cách kín đáo, thâm lặng trong làn gió nhẹ của Thần Khí.** Lời cũng có thể trải qua những năm tháng dài trong ngăn kéo hay rơi vào một lỗ tai điếc, để chỉ kiên nhẫn đợi chờ, chứ không gây chú ý cho kẻ không muốn nghe hay không thích đọc. **Lời rất mực dịu dàng và từ tốn, như Thiên Chúa trước tạo vật của Ngài, sẵn sàng lui vào bóng tối khi trực diện với tự do của con người.**

“Thiên Chúa cũng như một bà mẹ cúi mình cho vừa tầm vóc của con để dạy nó đánh vần những chữ đầu tiên trong đời. Kinh Thánh là cuốn sách của sự hạ cố yêu thương của Thiên Chúa, chứ không như chủ nghĩa gia trưởng, càng không hề coi thường”. (Jacques Loew). **Lời yếu thế, không tự vệ, cố tình hứng chịu mọi xuyên tạc, nghịch nghĩa, diễn dịch cách sai lầm. Satan lấy làm thích thú như thế, đối với chính Thầy Giêsu** (x. Mt 4,1-11). Với dòng lịch sử, nhiều người cũng đã không ngần ngại làm theo như vậy!

III. Lời quyền năng và hiệu nghiệm

Dù vậy, **vì là Lời của Thiên Chúa, nên đầy quyền năng.**

Lời quyền năng đến nỗi tạo dựng ngay: *“Quả thật, Ta đã nói thì sẽ thi hành, đã nghĩ tới thì sẽ thực hiện”* (Is 46,11). *“Thiên Chúa lên tiếng và toàn thể vũ trụ đáp lời. Tạo vật đáp*

lời không chỉ bằng cách hiện hữu ngay, nhưng còn thể hiện một cách tiệm tiến điều chu trình tiến hoá được yêu cầu". (Paul Claudel, Journal, t.2, février 1936, p. 125).

Lời quyền năng hơn cả đoàn chiến xa của Pharaon, hơn cả đội binh Assyria hay Babylon. Chính Lời đã đem lại chiến thắng và thiêu huỷ cảnh hoang tàn, đã đem mưa đến sau những năm dài hạn hán, rải sương mai như tuyết trắng trên mặt đất và khiến gió bão lặng yên.

Lời quyền năng đến độ làm cho bình dầu, hũ bột hay thùng bánh cứ luôn tràn đầy, làm cho nước lã thành rượu ngon, chữa lành kẻ bệnh tật, giải thoát người bị quỷ ám, cho người chết sống lại, và ngay cả xoá bỏ sạch tội cho kẻ lỗi lầm.

Lời quyền năng và hiệu nghiệm! Lời không như bao lời nói của loài người, bay nhanh mà không để lại dấu vết. Lời Chúa thực hiện điều đã nói: ***"Cũng như mưa với tuyết sa xuống từ trời không trở về trời nếu chưa thấm xuống đất, chưa làm cho đất phì nhiêu và đâm chồi nảy lộc, cho kẻ gieo có hạt giống, cho người đói có bánh ăn, thì Lời Ta cũng vậy, một khi xuất phát từ miệng Ta, sẽ không trở về với Ta nếu chưa đạt kết quả, chưa thực hiện ý muốn của Ta, chưa chu toàn sứ mạng Ta giao phó"***. (Is 55, 10-11). Lời quyền năng và hiệu nghiệm khi kẻ tin vâng nghe theo: ***"Ông Simôn đáp: " Vâng Lời Thầy, tôi sẽ thả lưới" (Lc 5, 5); nơi nào khả năng con người tỏ ra bất lực, nơi đó Lời Chúa làm nên những việc kỳ diệu: "Họ đã làm như vậy, và bắt được rất nhiều cá, đến nỗi hầu như rách cả lưới" (Lc 5, 6). "Thưa Ngài, tôi chẳng đáng Ngài vào nhà tôi, nhưng xin Ngài chỉ nói một Lời là đầy tớ tôi được khỏi bệnh" (Mt 8, 8), anh đội trưởng một quan lính Rôma, một kẻ ngoại, được như ý nguyện. Cũng thế cho những ai được Lời Chúa Kitô giải thoát và biến đổi cũng sẽ xác tín như thế! Điều đó khiến nhiều người ngạc nhiên: "Mọi người rất đổ kinh ngạc và nói với nhau: "Lời ấy là thế nào? Ông ấy lấy uy quyền và thế lực mà ra lệnh cho các thần ô uế, và chúng phải xuất ra". (Lc 4, 36).***

Thánh Phaolô đã rút kinh nghiệm nhiều lần trong những chuyến đi truyền giáo. Ngỡ ngàng và đầy thán phục trước những gì đã được chứng kiến, ngài chứng tá rằng : ***"Tin Mừng là sức mạnh Thiên Chúa dùng để cứu độ bất cứ ai có lòng tin"***. (Rm 1,16), rằng việc loan truyền Lời đã mang lại ơn cứu độ, ***"Thật thế, lời rao giảng về thập giá là một sự điên rồ đối với những kẻ đang trên đà hư mất, nhưng đối với chúng ta là những người được cứu độ, thì đó lại là sức mạnh của Thiên Chúa"***. (1 Cr 1, 18).

Khi Con Người hiện ra với Gioan, ***"Tay hữu Ngài cầm bảy ngôi sao và từ miệng Ngài phóng ra một thanh gươm hai lưỡi sắc bén. Mặt Ngài toả sáng như mặt trời chói lọi"*** (Kh 1, 16); ***Lời Ngài là một khí giới, thứ khí giới duy nhất của Ngài, "Lời Thiên Chúa là lời sống động, hữu hiệu và sắc bén hơn cả gươm hai lưỡi: xuyên thấu chỗ phân cách tâm với linh, cốt với tủy; lời đó phê phán tâm tình cũng như tư tưởng của lòng người"*** (Hr 4, 12). Nhiều lần Thầy Giêsu đã nói đến chức vụ phân xử của Lời: ***«Thế gian không ghét bỏ anh em nhưng***

**thế gian ghét Tôi, bởi vì chính Tôi làm chứng về nó là các việc của nó thì xấu xa». (Ga 7, 7).
“Ai chối từ Tôi và không đón nhận lời Tôi, thì có thẩm phán xét xử kẻ ấy: chính lời Tôi đã nói sẽ xét xử kẻ ấy trong ngày sau hết”. (Ga 12, 48).**

Cha Mennais ghi nhận: **“Từ chính Lời Chúa có một tính chất siêu nhiên và tác dụng của nó thật tuyệt vời”.** (Sermon III, p. 928). Ở thời đại chúng ta ngày nay cũng thế, **“Lời Chúa còn có một sức mạnh và quyền năng có thể nâng đỡ và tăng cường Giáo Hội, ban sức mạnh đức tin cho con cái Giáo Hội, là lương thực linh hồn, nguồn sống thiêng liêng, tinh tuyền và trường cửu cho con cái Giáo Hội”.** (Dei Verbum 21).

Chân thành cảm ơn.

Fr. M. Bảo Tịnh O.Cist.

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

ĐỨC KYTÔ PHỤC SINH



Chuyên đề:
SỨC MẠNH TÌNH YÊU
do Linh Mục Tiến Sĩ Tâm Lý
Peter Lê Văn Quảng phụ
trách

18. ĐỨC KYTÔ PHỤC SINH

Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/3mi2USA>

Thật không dễ để chúng ta rao giảng một **Đức Ky Tô là Thiên Chúa**. Và càng không dễ để chúng ta rao giảng một **Đức Ky Tô là Thiên Chúa đã phục sinh**.

Khi Philatô hỏi Chúa: **“Ông có phải là vua dân Do Thái không?”** Chúa đáp: **“Quan nói đúng. Tôi là vua. Nhưng nước tôi không thuộc về thế gian này.** Nếu nước tôi thuộc về thế gian này thì những người của tôi đã chiến đấu để tôi không bị nộp cho người Do Thái. Nhưng nước tôi không thuộc về thế gian này”.

Cũng chính vì những lời này mà người Do Thái đã lên án Chúa. Họ đã lên án Chúa vì cho rằng Chúa đã nói những lời phạm thượng. **Họ đã lên án Chúa vì cho rằng Ngài là một con người mà dám xưng mình là Con Thiên Chúa.** Họ đã lên án Chúa vì quan niệm về Thiên Chúa

của họ vẫn còn là Chúa của thời Cựu Ước. Họ đã lên án Chúa vì họ nghĩ rằng Chúa của họ là một Thiên Chúa đầy uy nghi, thánh thiện, cao sang ngự mãi trên chín tầng mây.

Thật vậy, **con người dễ dàng chấp nhận một Thiên Chúa là Thiên Chúa đầy oai hùng và quyền năng**, một Thiên Chúa ngự đến giữa tiếng sấm sét rền vang như Ngài đã ngự đến trên núi Sinai khi Ngài ban cho Môsê mười giới răn của Chúa, hay một Thiên Chúa quyền năng có thể sai sứ thần giết sạch tất cả những đứa con đầu lòng của người Aicập để trừng phạt tội cứng đầu của vua Pharaon, hay một Thiên Chúa ra cánh tay oai hùng chôn vùi cả hàng vạn quân của người Aicập dưới lòng Biển Đỏ để cứu dân Ngài khỏi ách nô lệ của người Aicập. Và chúng ta dễ dàng chấp nhận một Thiên Chúa như thế.

Nhưng thật khó cho chúng ta để chấp nhận một Thiên Chúa là một trẻ sơ sinh nằm khóc oa oa trong máng cỏ. Thật khó cho chúng ta để chấp nhận một Thiên Chúa là một con người tầm thường, nghèo hèn sống cuộc đời ẩn dật ở làng Nazareth. Càng khó cho chúng ta để chấp nhận một Thiên Chúa lại là một con người đã từng quì gối xuống rửa chân cho các môn đệ. Và càng khó cho chúng ta biết bao để chấp nhận một Thiên Chúa là một con người đã từng bị người đời nguyên rửa, sỉ nhục, lên án, **từng vác thập giá lên đỉnh đồi Calvê để chịu chết và chết một cách nhục hình trên thập giá như một tên tử tội.** Quả thật, không dễ để chúng ta chấp nhận một Thiên Chúa như vậy.

Bởi lẽ, có ai trong chúng ta có thể nghĩ ra rằng vinh quang đến từ thập giá không?

Có ai trong chúng ta có thể nghĩ ra rằng Thiên Chúa chỉ thống trị từ lúc bị treo lên không?

Có ai trong chúng ta có thể nghĩ ra rằng sự sống chỉ được phát sinh từ cái chết của Đức Kỵ Tô không ?

Chắc chắn, không ai trong chúng ta đã nghĩ ra những điều đó, bởi lẽ những điều đó quá nghịch lý, quá phi lý đối với lý trí của con người. Và để chấp nhận được những điều nghịch lý đó, nó đòi hỏi chúng ta một cái gì khác hơn là lý luận. Nó đòi hỏi một **NIỀM TIN**. Vì thế, tôi xin nói với ông bà anh chị em: **Tôn giáo không là để tranh luận nhưng là để TIN và để SỐNG.**

Nói đến đây tôi nhớ đến câu chuyện đã được nghe kể trong chuyến du hành sang Thổ Nhĩ Kỳ, một quốc gia mà chín mươi chín phần trăm dân số là Hồi Giáo. Câu chuyện nói về một nhà truyền giáo tình nguyện sang truyền giáo ở vùng Ả-rập. Ả-rập cũng là một vùng đất mà Hồi giáo là quốc giáo và đa số họ là những người có tinh thần tôn giáo quá khích. Vì thế, trong những nước như vậy, Kỵ Tô giáo rất khó truyền bá. Nhưng vốn là một con người có bản tính hiền hòa, cởi mở và đạo đức, nên nhà truyền giáo ấy sau một thời gian đã chiếm được cảm tình rất nhiều người chung quanh mà ông đã từng có dịp gặp gỡ, trong số đó có cả vị thủ tướng của Ả-rập. Một hôm, thủ tướng Ả-rập mời vị truyền giáo ấy đến nhà dùng bữa cơm tối để có dịp hàn huyên chuyện

trò. Trong buổi chuyện trò, hai người đã chia sẻ với nhau về tâm tình tôn giáo. Bây giờ, nhà truyền giáo ấy mới thưa với vị thủ tướng rằng:

Chúng tôi tin có ba cách thức Thiên Chúa muốn mặc khải cho chúng ta về chính Ngài:

1 Qua tự nhiên: Nhìn vũ trụ vạn vật chúng ta nhận biết có Thiên Chúa vì phải có một Đấng đã tạo thành ra nó.

Vị thủ tướng đáp: Chúng tôi cũng tin như vậy.

2 Qua Thánh Kinh: Thiên Chúa cũng đã mặc khải cho chúng ta về chính Ngài qua Thánh Kinh, Lời của Ngài. Tất cả đều đã được mặc khải trong Thánh Kinh.

Vị thủ tướng đáp: Chúng tôi cũng có Kinh Thánh Koran

3 Qua Đức KyTô: Thiên Chúa mặc khải về chính Ngài trong Đức KyTô. Ngài chính là hình ảnh của Thiên Chúa. Ngài đã sinh ra, đã sống và đã chết cho dân Ngài.

Vị thủ tướng đáp: Chúng tôi cũng có vị tiên tri Mahomet. Ngài cũng dạy cho chúng tôi biết về Thiên Chúa. Ngài cũng đã sinh ra, đã sống và đã chết cho dân Ngài.

Bây giờ nhà truyền giáo nói tiếp: **Nhưng Đức KyTô đã chết và đã phục sinh để cứu dân Ngài khỏi chết.** Chúng tôi tin điều đó và chúng tôi muốn ra đi loan báo Tin Mừng Phục Sinh đó cho tất cả mọi người trên khắp tận cùng trái đất.

Nghe đến đây vị thủ tướng mới yên lặng, trầm ngâm suy nghĩ một hồi lâu, rồi ngẩng mặt lên nhìn nhà truyền giáo một cách kính phục và nói:

- Vâng, vị tiên tri Mahomet của chúng tôi cũng đã sống và đã chết cho dân Ngài. Nhưng cái gì đã xảy ra sau cái chết của Ngài, chúng tôi hoàn toàn không biết.

Cũng từ đó vị thủ tướng đã có một cái nhìn cũng như một thái độ xem ra có vẻ thân thiện hơn trước nhiều đối với người Kitô giáo và đặc biệt đối với nhà truyền giáo ấy.

Kính thưa quý ông bà anh chị em, đây mới chính là **sự khác biệt giữa Đức KyTô và vị tiên tri Mahomet. Đây mới chính là sự khác biệt giữa Thiên Chúa và con người. Và đây cũng chính là sự khác biệt giữa Thiên Chúa chúng ta và các thần minh khác. Đây mới chính là niềm hy vọng của chúng ta vì ích gì cho chúng ta nếu chúng ta tin vào một Đức KyTô đã chết mà không phục sinh.**

Vâng, Đức KyTô đã đến, đã sinh ra, đã sống một kiếp sống làm than, đã chết một cái chết nhục hình trên thập giá và **đã phục sinh một cách khải hoàn để mang lại cho con người sự sống vĩnh cửu.**

Đức KyTô đã đến 2000 năm rồi và chúng ta đang bước vào một thiên niên kỷ mới. Đã 2000 năm rồi, thế mà **trong giáo hội vẫn còn có nhiều người vẫn còn ước mong một giáo hội oai hùng với đầy quyền bính và giàu sang, chứ không phải là giáo hội của Đức KyTô nghèo hèn, phục vụ và phục vụ cho đến chết và chết trên thập giá vì con người.**

Không! Không! Chúng ta đã hiểu sai bộ mặt của Đức KyTô cũng như bộ mặt của giáo hội. Do đó, chúng ta đã đi đến chỗ chèn ép, tranh giành địa vị trong giáo hội hơn là phục vụ. Chúng ta vẫn còn sống mãi trong thời Cựu Ước. Vì thế, giáo hội vẫn chưa trưởng thành và phát triển được nhất là tại vùng đất Á Châu này.

Ước gì màu nhiệm Tử Nạn và Phục Sinh của Đức KyTô trong mùa Phục Sinh thấm nhập và đổi mới mỗi người chúng ta, để như nhà truyền giáo kia, chúng ta sẽ dùng chính cuộc sống đạo đức chân thành của chúng ta ra đi loan báo **TIN MỪNG PHỤC SINH** của Đấng đã chết và sống lại vì con người chúng ta.

Lm. Peter Lê Văn Quảng
Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

ĐÂY LÀ NHỮNG THÁCH ĐÓ VÀ HIỂM NGUY CHO NIỀM TIN CÓ THIÊN CHÚA NGÀY NAY?

Hỏi: xin cha nói rõ về những nguy hiểm hay thách đố cho niềm tin có Thiên Chúa trong hoàn cảnh thế giới ngày nay.

Trả lời:

Hơn bao giờ hết, Giáo Hội nói chung và người tín hữu Chúa Kitô nói riêng đang phải đương đầu với những thách đố (challenges) của thời đại tiến bộ vượt bậc về mặt khoa học, kỹ thuật, điện toán, nhưng lại thật hậu thê thảm về mặt tinh thần, luân lý, và đạo đức.

Thực vậy, các chủ nghĩa tục hóa (secularism) chủ nghĩa tương đối (relativism) cùng với chủ nghĩa hưởng thụ khoái lạc (Hedonism) và chủ nghĩa duy vật (materialism) và cộng sản (communism) ngày một bành trướng ở khắp nơi để thách đố những ai còn niềm tin nơi Thiên Chúa là Đấng có thật và vô cùng tốt lành, thánh thiện; nhưng rất chê ghét mọi tội lỗi, sự dữ, sự độc ác và ô uế, như nhuốc, là những sản phẩm của các chủ nghĩa phi luân vô đạo nói trên.

Nhưng tiếc thay, con người ở khắp mọi nơi lại đang giang tay đón chào và sống theo các tà thuyết tai hại đó để tự lún sâu vào **“thảm họa của văn hóa sự chết”** như Đức cố Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II (nay là Thánh) đã cảnh giác khi Ngài còn cai trị Giáo Hội. Lời cảnh báo của Ngài vẫn còn nguyên giá trị trước thực trạng con người và thế giới ngày nay.

Và đó cũng là lý do tại sao Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đict-tô 16 (đã về hưu năm 2013) đã kêu gọi Giáo Hội tiến hành **“Tái Phúc Âm hóa=Re-evangelization”** hay **Tân Phúc Âm hóa – New Evangelization** để không những đào sâu thêm lời Chúa hầu sống sung mãn với mọi chiều kích của lời ban sự sống mà còn thích nghi việc rao giảng Tin Mừng trong hoàn cảnh thế giới tục hóa, duy vật sa đọa hiện nay. Đức đương kim Giáo hoàng Phanxicô cũng đặc biệt lưu ý Giáo Hội về thực trạng **“tôn thờ tiền bạc=cult of money”** và dừng dừng đối với người nghèo khó của con người thời đại hôm nay.

Hậu quả trông thấy của các chủ nghĩa vô luân vô đạo nói trên là thế giới ngày một tụt hậu về ý thức luân lý và đạo đức để sống trong hận thù, ghen ghét, chém giết, và khủng bố, vì người ta thiếu hay mất niềm tin vào một Đấng Tạo Hóa đang điều khiển vũ trụ và số phận của mỗi con người trong trật tự đầy khôn ngoan, công bình và yêu thương. Vì thiếu niềm tin, hay chối bỏ niềm tin này để tự vạch lấy con đường đi riêng cho mình, nên người ta đã mặc sức sống với sự dữ, sự tội trong đời sống cá nhân hay trong cộng đồng xã hội.

Trên bình diện quốc tế, các nước giàu và có vũ khí giết người hàng loạt (mass destruction) cấu kết với nhau để chèn ép và khai thác tài nguyên của các nước nghèo. (Mỹ và khối NATO đem quân đánh Libya, giết Khadafi, vì mỏ dầu béo bở của nước này chứ không phải vì thương gì dân Libya bị cai trị hà khắc. Đánh và giết Khadafi để độc quyền khai thác dầu hỏa ở đây, nhưng lại làm ngơ, không dám đánh Syria, dù Assad là một nhà độc tài khát máu, đã sát hại hàng chục ngàn thường dân vô tội từ hơn bốn năm nay. Ngoài ra Assad còn bị tố cáo là đã dùng vũ khí hóa học để tàn sát dân chống đối y nữa. Nhưng Mỹ vẫn là ngơ không dám trừng phạt Assad. Lý do là Mỹ sợ đụng đầu với Nga và Trung Cộng là hai nước bênh vực cho Assad vì quyền lợi của họ tại Syria..

Mặt khác, Mỹ và Tây Âu vẫn làm ngơ trước những bất công, nghèo đói và sự dữ ở trên thế giới - và cách riêng- ở các nước có chế độ độc tài, độc đảng chà đạp nhân quyền, vơ vét tài sản quốc gia để gửi tiền ra nước ngoài phòng thân, trong khi đàn áp bóc lột người dân vô tội chẳng may rơi vào ánh sáng độc ác của họ. Cụ thể, nạn giết trẻ nữ (infanticide) hậu quả của chính sách một con cho mỗi gia đình – (nay đã cho mỗi gia đình có hai con)- ở Trung Hoa lục địa, nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em cho bọn hành nghề mãi dâm và ấu dâm (child prostitution) rất khốn nạn và tội lỗi, nạn buôn người (human trafficking) để bắt làm nô lệ lao động hay tình dục cùng với nạn sát hại hàng ngàn phụ nữ mỗi năm ở Ấn Độ vì họ không có của hồi môn cho nhà chồng!, .. tất cả vẫn là những thực trạng tội ác đáng ghê sợ trong thời đại văn minh ngày nay. Thực trạng này vẫn tiếp tục thách đố lương tâm nhân loại trong khi cộng đồng thế giới thờ ơ hay đứng dưng trước những bất công, bóc lột và tội ác ở khắp nơi trên thế giới hận thù và vô nhân đạo hiện nay

Về phương diện luân lý, đạo đức, thực trạng còn đáng buồn hơn nữa. Chủ nghĩa tương đối (relativism) cùng với chủ nghĩa hưởng thụ khoái lạc và tục hóa (hedonism and vulgarism) đang rao bán những sản phẩm nhơ nhớp và độc hại của chúng để đầu độc giới trẻ và quyền rũ nhiều tín hữu bỏ Đạo, hay coi thường việc thực hành đức tin như tham dự Thánh lễ ngày Chúa Nhật và các ngày Lễ trọng quanh năm, cầu nguyện chung và đi xưng tội ít là một đôi lần trong năm.

Thống kê ở Mỹ và ở các Nước theo Công Giáo ở Âu Châu như Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha... cho thấy là đa số giới trẻ không còn siêng năng đi dự Thánh Lễ ngày Chúa Nhật nữa. Ở Mỹ, tình trạng có khả năng hơn nhưng cũng không được khích lệ như mong muốn. Một thăm dò mới đây của một cơ quan truyền thông cho biết có tới 51 % phần trăm người Công Giáo Mỹ đã tán thành việc kết hôn của những người đồng tính (same sex marriage) trong khi chỉ có 39 % người Công giáo Mỹ chống lại việc này !! các chính trị gia Mỹ, như cựu Phó Tổng Thống Joe Biden, bà dân biểu Nancy Pelosi, đều là người công giáo. Nhưng đã công khai tán thành việc kết hôn của những cặp đồng tính và ủng hộ việc phá thai, trái với giáo lý của Giáo Hội về việc tôn trọng sự sống của con người, cũng như tôn trọng truyền thống hôn nhân giữa người nam và người nữ, một định chế hôn nhân mà chính Thiên Chúa đã thiết lập từ đầu khi tạo dựng con người có nam có nữ và truyền cho họ: **“Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất và thống trị mặt đất...”** (St 1: 28)

Nhưng thực tế rất đáng buồn là Nước Mỹ đã cho phép phá thai từ năm 1973, và ngược lại trái với giáo lý của Giáo hội. Hậu quả là hàng triệu thai đã bị giết mỗi năm ở Mỹ ! Nay lại công khai tán thành việc kết hôn đồng tính, và một số Tiểu Bang đã hợp thức hóa việc vô luân, phản tự nhiên này để chiều lòng những kẻ bệnh hoạn về tâm sinh lý. Đây là một ô nhục cho những người tự nhận mình là Kitô hữu (Christians) nhưng lại chà đạp lên niềm tin của mình và nêu gương xấu cho người khác. Lại nữa, có thể nói : Hoa Kỳ là nước sản xuất phim ảnh, sách báo dâm ô, bạo động và có nhiều sòng bạc nhất thế giới, tạo dịp tội cho quá nhiều người vấp ngã vào hố trụy lạc vì cờ bạc, dâm dăng...

Đây là tội mà Chúa Giêsu xưa đã đặc biệt lên án như sau :

“Không thể không có những cơ làm cho người ta vấp ngã. Nhưng khốn cho kẻ làm cơ cho người ta vấp ngã. Thà buộc cối đá lớn vào cổ nó và xô xuống biển, còn lợi cho nó hơn là để nó làm cơ cho một trong những kẻ bé nhỏ này vấp ngã.” (Lc 17 :1-2)

Dĩ nhiên, không phải chỉ có Hoa Kỳ là nước có nhiều thực trạng phản Kitô Giáo. Các quốc gia có truyền thống Kitô Giáo lâu đời như Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Canada, Mỹ Tây Cờ... cũng đầy rẫy những suy thoái về niềm tin có Thiên Chúa là Chủ Tể vũ trụ, là Đấng tạo dựng mọi loài, mọi vật hữu hình và vô hình. Hậu quả của sự suy thoái này là nhiều nhà thờ đã không có giáo dân lui tới cầu nguyện (ở Canada) đến nỗi phải bán làm nơi kinh doanh hay trở thành bảo tàng viện (Museum) như Nhà Thờ Đức Bà cổ kính Notre Dame de Paris ở Ba Lê, Pháp Quốc.

Bên kia thái cực , các nước đang bị cai trị độc đoán bởi cá nhân hay tập đoàn thống trị, chỉ biết vơ vét của cải tiền bạc cho đầy túi tham. Và đứng trước sự nghèo đói của đám dân đen bị trị triền miên, không biết bao giờ mới có hy vọng được thoát khỏi gông cùm của sự dữ , của thể chế vô nhân đạo, phản dân chủ và vô cùng bất công này. Nhưng các nước tự nhận là muốn bảo vệ cho nhân quyền và mọi tự do căn bản của người dân, lại chỉ lên tiếng lấy lệ trong khi vẫn làm ăn buôn bán với các nước độc tài đảng trị, bỏ quên trách nhiệm bênh vực cho tự do, dân chủ và nhân quyền chỉ vì quyền lợi kinh tế của họ.

Ở những quốc gia có chế độ cai trị hà khắc, thì tình trạng xuống cấp về luân lý, đạo đức hiển nhiên là một thực tại không ai chối cãi được, vì kẻ cầm quyền với bản chất vô đạo thì đâu còn quan tâm gì đến việc bảo vệ những giá trị luân lý, đạo đức phổ quát của con người nói chung , là tạo vật có lý trí và lương tri, khác xa loài vật chỉ có bản năng sinh tồn mà thôi.

Khi mà xã hội vắng bóng luân thường đạo lý, hậu quả hiển nhiên của chế độ cai trị , thì sự dữ mặc sức tung hoành với đủ mọi hình thái ghê sợ của xã hội đen như lừa đảo, gian manh, trộm cướp, giết người, hiếp dâm, bắt công, bóc lột, buôn bán thân xác của phụ nữ và trẻ em, chà đạp công lý và quyền sống căn bản của con người.

Như vậy, trước thực trạng trên đây ở khắp nơi, khi con người chỉ biết chạy theo những quyền rũ của tiền bạc , của mọi vui thú vô luân vô đạo, của sự dữ. giết hại người khác vì tư lợi, vì thù oán, nhất là vì muốn bảo vệ cho chế độ bóc lột tàn nhẫn vô nhân đạo để làm giàu cho tập đoàn cai trị, thì hiển nhiên đây là những thách đố to lớn cho những ai sống trong đó mà còn có niềm tin Thiên Chúa là Đấng trọn tốt trọn lành., đầy công minh và nhân ái. Đầy công minh nên Người sẽ không thể bỏ qua những sự dữ như bóc lột, bắt công, lường đảo, xảo trá và gian ác. Mặt khác, là Đấng trọn tốt trọn lành thì Thiên Chúa cũng không thể chấp nhận những gì là ô uế, là ham mê mọi lạc thú vô luân vô đạo như tội ấu dâm (child prostitution) tội buôn bán phụ nữ cho kỹ nghệ mãi dâm vô cùng khốn nạn; đặc biệt ở những quốc gia độc tài và nghèo đói, khiến

phụ nữ và trẻ em trở thành nạn nhân của những kẻ vô đạo với dã tâm buôn bán họ cho những kẻ no cơm dư thừa đi tìm thú vui dâm ô tội lỗi và cực kỳ khốn nạn này.

Như thế, là người có niềm tin Thiên Chúa là Cha cực tốt cực lành, chúng ta phải sống cách nào để không những giữ vững đức tin của mình không bị lung lạc, chao đảo vì áp lực của sự dữ díp tội tràn ngập trong mọi xã hội, mà còn phải nêu gương sáng để lôi kéo lên những ai đã và đang sa xuống vực thẳm của văn hóa sự chết trong môi trường sống của mình. Đây chính là điều Thánh Phaolô đã khuyên bảo tín hữu Phi Lip-Phê xưa như sau:

“Anh em hãy trở nên những con người vẹn toàn của Thiên Chúa giữa một thế hệ gian tà, sa đọa. Giữa thế hệ đó, anh em phải chiếu sáng như những vì sao trên vòm trời, là làm sáng tỏ Lời ban sự sống...” (PL 2: 15-16)

Xã hội sa đọa vì gương xấu đầy rẫy là thách đố cho ta sống công bình, bác ái và trong sạch để nâng cao giá trị cứu rỗi của những nhân đức này. Người đời không tin có Chúa hay tin mà không sống niềm tin ấy nên bỏ Chúa để chạy theo tiền bạc, danh lợi và mọi thú vui vô luân vô đạo, thì càng thách đố những ai còn niềm tin Chúa Kitô phải có can đảm làm nhân chứng cho Chúa bằng quyết tâm xa tránh mọi tội lỗi, xa tránh mọi hình thái của **“văn hóa sự chết”** đang lôi cuốn con người ở khắp nơi vào hố hư mất đời đời.

Hơn thế nữa, chúng ta phải chứng tỏ cho người khác biết rằng thật sự có Thiên Chúa, có sự sống và hạnh phúc vinh cửu. Do đó, phải tìm kiếm thú vui lành mạnh, trong sạch và **“hãy sắm lấy những túi tiền chẳng bao giờ cũ rách, một kho tàng chẳng thể hao hụt ở trên trời, nơi trộm cắp không bền bằng mỗi một cũng không đục phá..”** (Lc 12 : 33)

Đó là sự khôn ngoan của kẻ có niềm tin Thiên Chúa là nguồn mạch duy nhất của mọi vui thú và giàu sang bất diệt. Nhưng cho được hưởng vinh phúc và giàu sang đó, tức là được cứu rỗi để vào hưởng Thánh Nhan Chúa trên cõi vĩnh hằng, chúng ta hãy suy gẫm và thực hành lời Chúa Giêsu đã dạy các Tông Đồ xưa, là **“hãy chiến đấu để qua được cửa hẹp mà vào, vì tôi nói cho anh em biết: có nhiều người sẽ tìm cách vào mà không thể được.”** (Lc 13: 24)

“đi vào cửa hẹp” là khép mình vào khuôn khổ của luân lý, đạo đức, là xa tránh những thói hư tật xấu của người đời không có niềm tin, là có can đảm để lên án những tội ác như phá thai, buôn bán phụ nữ và trẻ em cho kỹ nghệ mại dâm và ấu dâm vô cùng khốn nạn; và sau hết, không được a dua nịnh bợ kẻ có quyền thế để mong kiếm chút tư lợi hay danh vọng phù phiếm.

Sau hết, phải thực sự sống tinh thần nghèo khó của Phúc Âm để theo gương Chúa Kitô, **“Người vốn giàu sang phú quý nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có.”** (2 Cor 8: 9)

Phải sống khó nghèo nội tâm để chống lại nguy cơ lôi cuốn của tiền bạc và hư danh trần thế, hơn bao giờ hết là một thách đố to lớn cho những ai còn niềm tin có Chúa là cội nguồn của mọi phú quý sang giàu đích thực..

Chúa Giêsu đã nêu gương khó nghèo từ khi sinh ra trong hang bò lừa cho đến ngày chết trần trụi trên thập giá; và không có nơi an táng, khiến môn đệ phải mượn ngôi mồ trống của người khác cho Chúa nằm nghỉ trong ba ngày chờ sống lại.

Đó là gương khó nghèo đích thực mà mọi Tông đồ lớn nhỏ và mọi tín hữu trong Giáo Hội phải noi theo để làm nhân chứng cho Chúa trước thế gian ham mê tiền của và mọi danh vọng vui thú chóng qua và hư hèn của trần gian này.

Cách riêng người có trách nhiệm giảng dạy chân lý và luân lý, phải có can đảm lên án những tụt hậu về luân lý đạo đức trong xã hội mình đang sống và thi hành sứ mệnh phúc âm hóa thế gian. Phải có can đảm như Thánh Gioan-Tẩy Giả xưa đã thẳng thắn lên án vua Hê-rô-đê về tội lấy vợ của anh mình, khiến phải vào tù và bị chặt đầu vì ác tâm báo thù của Herodias, người vợ bất hợp pháp của Hê-rô-đê.(Mt 14: 3-12)

Nếu không có can đảm lên án những bất công xã hội, những tụt hậu về luân lý đạo đức, thì người Tông Đồ lớn nhỏ của Chúa trở thành đồng lõa với kẻ gây ra những bất công và tha hóa đó.

Nghĩa là không thể lấy cớ không làm chính trị, để làm ngơ trước thực trạng vô luân vô đạo của xã hội đang ung thối cần phải cứu chữa để có công bình, nhân đạo và luân lý.. Đây chính là trách nhiệm phúc âm hóa môi trường của Giáo Hội để mang Ánh Sáng Chúa Kitô chiếu rọi vào nơi xình lầy tối tăm ô uế.

Nói khác đi, nếu cứ chạy theo tiền của và danh vọng hư hão chóng qua ở đời này thì sẽ không thể vươn tâm hồn lên tới Chúa là nguồn vui và hạnh phúc đích thực, cũng như không thể quan tâm, thương giúp những người nghèo khó, bất hạnh còn đầy rẫy trong xã hội ở khắp nơi.

Tất một lời: người công giáo mà chạy theo tiền của, hư danh trần thế, người Tông Đồ của Chúa mà không có can đảm lên án những bất công của chế độ, những tha hóa về luân lý, đạo đức, thì không thể làm nhân chứng cho Chúa Kitô trước mặt người đời, trước thế gian chối bỏ Thiên Chúa để lao mình vào những con đường tội lỗi dẫn đến hư mất đời đời..

Chúa nói **“Ai có tai nghe thì nghe.”** (Mt 13: 43; Mc 4: 23; Lc 8:8)

Những người cần nghe trước tiên là các tông đồ lớn nhỏ của Chúa, tức những người được sai đi để làm cho muôn dân trở thành môn đệ của Chúa. Do đó, nếu không thực sự sống cái nghèo của Chúa Kitô, Thầy mình, thì mọi cố gắng phúc âm hóa, tái phúc âm hóa sẽ vô ích, vì người rao giảng không thực thi lời mình giảng dạy, như trống đánh xuôi kèn thổi ngược

.Giáo Hội phải nghèo khó thực sự theo gương Chúa Kitô thì mới hữu hiệu dạy bảo cho tín hữu khinh chê mọi của cải, giàu sang, danh vọng phù phiếm ở đời này, vì **“tất cả những thứ đó, dân ngoại trên thế gian vẫn tìm kiếm....Vậy anh em hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa, còn những thứ kia, Người sẽ thêm cho.”**(Lc 12: 30-31)

Lời Chúa trên đây đang thách đố mỗi người chúng ta phải can đảm thực thi để chứng minh đức tin của mình giữa thế hệ gian tà, giữa bao người chỉ nói mà không làm, giữa bao người cố tình không muốn nghe tiếng nói của lương tâm phản ánh tiếng nói của Chúa trong tâm hồn họ.

Thế gian càng sa đọa, càng tụt hậu về luân lý, đạo đức thì người có niềm tin Thiên Chúa càng phải sống niềm tin ấy cách cụ thể và sống động để không những phân biệt mình với kẻ không có niềm tin, mà còn để lôi kéo những ai đang mê lầm ra khỏi nanh vuốt của ma quỷ và thế gian là nguồn của mọi sự dữ, sự tội nhờ gương sống chứng tá của mình. Đây là thách

đổ sống đức tin cho mọi tín hữu chúng ta trước những nguy cơ đe dọa đức tin rất nghiêm trọng của thời đại tục hóa tôn thờ vật chất và vui thú vô luân ,vô đạo ngày nay..

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn câu hỏi đặt ra.

Lm. Ngô Tôn Huân, Doctor of Ministry

VỀ MỤC LỤC

Nghĩ về tình trạng “mù”...



Chuyên mục:

“CHUYỆN MỖI TUẦN”

Nghĩ về tình trạng “mù”...

Lm Giuse NGÔ MẠNH ĐIỆP

Giáo phận Nha Trang

Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://bit.ly/3j70FQa>

Ngày thứ ba tuần XVIII/TNB vừa qua – nếu ngày thứ hai chúng ta có dịp nghe lại hai câu nói đầy khích lệ của Chúa Giêsu trong vụ bão giông trên biển hồ khi các môn đệ vật vã giữ con thuyền như giữ chính mạng sống của mình, thì với các môn đệ, Ngài nói : “*Cứ yên tâm, chính Thầy đây, đừng sợ*” (Mt 14, 27), và với ông Phêrô bông bột và dễ hoảng, Ngài nói : “*Hỡi kẻ kém lòng tin, sao lại hoài nghi?*” (Mt 14,31) – thì hôm nay thứ ba là câu trả lời của Ngài cho các môn đệ đứng trước báo cáo của các ông về thái độ của Phariseu. Sau khi cho các môn đệ biết về những “loại” cây không do Chúa Cha trồng, Ngài kết luận: **“Cứ để mặc họ. Họ là những người mù dắt người mù. Mù mà lại dắt mù, cả hai sẽ lẫn cù xuống hố”** (Mt 15, 14)...

Dĩ nhiên tình trạng “mù” trên đây thì không phải là chuyện của người khiếm thị rồi. **Nó là cái “mù” nghiêm trọng và tệ hại hơn chuyện khiếm thị nhiều lắm!**

Nếu chỉ là chuyện khiếm thị mang tính tạm nguyên, thì hẳn có dịp là Chúa ra tay giúp cho người bệnh nhìn thấy ngay. Tin Mừng Nhất Lãm ghi lại khoảng ba trường hợp như thế (Mt 9,27; 10,29-30; Mc 10, 46-47; Lc 18,35 – 38), và lần nào thì những người bệnh cũng thân thưa với Chúa Giêsu bằng danh xưng **“Con vua Đavít”** – một danh xưng mang tính cứu thế. Thánh sử Gioan cũng kể ra một trường hợp Chúa chữa người mù (Ga 9 , 1-41)...

Hắn là còn có thể có những lần khác nữa, nhưng chính thánh sử Gioan – tác giả Tin Mừng IV – đã thú nhận: “*Chúa Giêsu đã làm nhiều dấu lạ khác nữa trước mặt các môn đệ, nhưng những dấu lạ đó không được ghi chép trong sách này. Còn những điều đã được chép ở đây là để anh em tin rằng Chúa Giêsu là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa, và để nhờ tin mà được sự sống nhờ danh Ngài*” (Ga 20,30-31).

Như thế có nghĩa là Chúa muốn nói đến **tình trạng mù của những người mắt vẫn sáng!**

Dẫu vậy, chúng ta cũng có một thoáng chia sẻ về sự diệu kỳ của cơ quan thị giác để tạ ơn Thiên Chúa Tạo Hóa, giữ gìn sự trong sáng của mắt nhìn, và bảo vệ tầm nhìn cho chính đáng.

Trước đây – nhân câu nói của Chúa: “Ai có tai thì nghe” – người viết đã có ít chia sẻ về thính lực. Nay xin chia sẻ về thị lực.

Mắt là cơ quan nhỏ bé thôi, nhưng vô cùng quan trọng, bởi nó thực hiện **“chức năng nhìn”**: quan sát, thu nhận hình ảnh của sự vật, màu sắc... để chuyển vào não xử lý và lưu trữ.

Mắt bao gồm phần cấu tạo bên ngoài và bên trong.

+ Bên ngoài thì có các bộ phận như lông mày, lông mi, mi mắt, tròng trắng, tròng đen...

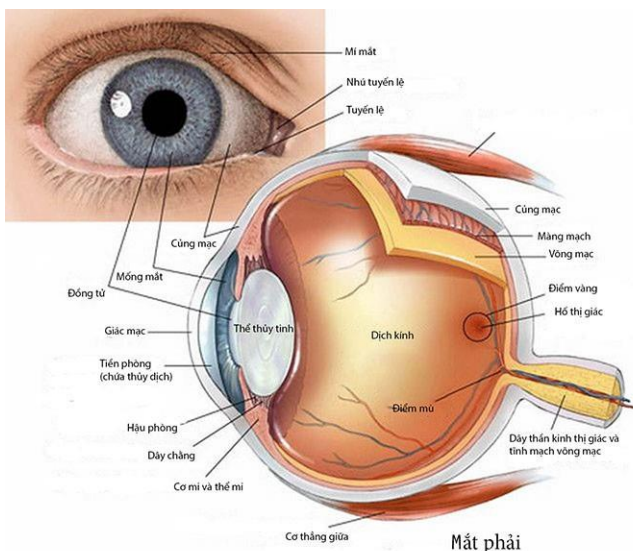
+ Bên trong thì có giác mạc, thủy tinh thể, võng mạc...

Và ở mặt cắt của mắt thì có thể nói đến bán phần trước và bán phần sau.

Bán phần trước bao gồm:

-giác mạc (tròng đen): là một màng trong suốt, rất dai, không có mạch máu, có hình cầu và chiếm khoảng 1/5 phía trước của vỏ nhãn cầu. Đường kính của giác mạc thường thì khoảng

11mm, bán kính độ cong là 7,7mm. Bề dày giác mạc trong vùng trung tâm dày hơn ở vùng bìa. Bán kính cong mặt trước giác mạc tạo thành lực hội tụ khoảng 48,8D(Diop hay còn gọi là Độ), chiếm 2/3 tổng công suất khúc xạ của nhãn cầu. Về tổ chức thì giác mạc có năm lớp từ ngoài vào trong gồm: biểu mô, màng Bowmans, nhu mô, màng Descemet, nội mô...



-mống mắt và đồng tử: mống mắt là vòng sắc tố bao quanh đồng tử và là cơ quan quyết định màu mắt hoặc đen hay nâu hay xanh. Đồng tử là lỗ nhỏ màu đen nằm ở trung tâm mống mắt. Đồng tử có thể co lại hoặc giãn ra nhờ các cơ nằm trong mống mắt và sự co giãn ấy là để điều chỉnh lượng ánh sáng vào mắt.

- thủy tinh thể nằm sau mống mắt. nó trong suốt và có nhiệm vụ như một thấu kính hội tụ cho ánh sáng đi qua, tập trung các tia sáng đúng vào võng mạc để tạo thành hình ảnh rõ nét, giúp ta có thể nhìn xa – gần.

Bán phần sau bao gồm:

- dịch kính là chất dạng gel trong suốt và lấp đầy buồng nhãn cầu ở phía sau thủy tinh thể. Khối dịch kính chiếm khoảng 2/3 thể tích nhãn cầu.

-giây thần kinh mắt và mạch máu võng mạc: giây thần kinh thị giác là nơi tập hợp các bó sợi thần kinh có chức năng dẫn truyền các tín hiệu nhận được ở võng mạc giúp nhận biết ánh sáng, hình ảnh. Mạch máu võng mạc gồm động mạch và tĩnh mạch tại trung tâm võng mạc cung cấp chất dinh dưỡng giúp nuôi dưỡng mắt.

- võng mạc là một màng bên trong đáy mắt có nhiệm vụ tiếp nhận ánh sáng từ thủy tinh thể hội tụ lại. Trung tâm võng mạc là hoàng điểm (điểm vàng) - nơi tế bào thị giác nhạy cảm nhất giúp nhận diện nội dung, độ sắc nét của hình ảnh.

-thông qua các giây thần kinh thị giác, võng mạc sẽ chuyển năng lượng ánh sáng thành tín hiệu thị lực và gửi về trung khu phân tích ở não. Võng mạc có nhiều lớp tế bào, đáng chú ý nhất là lớp tế bào que, tế bào nón và lớp tế bào thần kinh cảm thụ.

-tế bào que, tế bào nón nhận biết hình ảnh, màu sắc... Lớp tế bào biểu mô sắc tố võng mạc giúp nuôi dưỡng và bảo vệ tế bào que, tế bào nón trước tác động gây hại của tia cực tím và ánh sáng xanh vốn chứa chất chuyển hóa gây hại võng mạc...

Cơ chế hoạt động của mắt

-Giác mạc và thủy tinh thể ở phần trước bán cầu sẽ làm nhiệm vụ khúc xạ ánh sáng và hội tụ trên võng mạc.

-Tại đây, tín hiệu ánh sáng sẽ được các tế bào cảm thụ trên võng mạc chuyển thành tín hiệu thần kinh rồi truyền lên não thông qua hệ thần kinh thị giác và được xác nhận là hình ảnh tại đó. Đây chính là cơ chế giúp bạn nhìn thấy một vật gì đó...

-Mắt tự động điều chỉnh tiêu cự cách chính xác. Chẳng hạn để thay đổi tiêu cự, thủy tinh thể sẽ thay đổi độ cong của mình dưới sự tác động của cơ thể mi trong mắt. Việc điều chỉnh độ co giãn của mống mắt sẽ làm thay đổi kích thước của lỗ đồng tử, từ đó điều khiển cường độ chùm sáng đi vào.

-Các tuyến lệ chính và phụ sẽ giúp cho giác mạc luôn được bôi trơn. Nó là một cơ chế vệ sinh và bảo vệ tự nhiên mà Tạo Hóa ban cho đôi mắt.

-Và thưa các bạn, tất cả các cơ chế hoạt động trên đây đều hoàn toàn tự động dưới sự điều khiển vô cùng tinh vi của cấu tạo thần kinh mắt.

Khi cùng chia sẻ về tai và thính lực, người viết đã thấy choáng ngợp trước sự tuyệt vời và hoàn hảo của bàn tay yêu thương của Thiên Chúa TẠO HÓA. Nay cùng có chút suy nghĩ về mắt và thị lực, người viết chỉ còn biết chấp tay, cúi đầu và cảm tạ!

Thế nhưng thưa bạn, như đã chia sẻ, **khi gặp những bệnh nhân khiếm thị thời của Ngài, Chúa Giêsu đã giúp họ tìm lại thị lực ngay lập tức qua bàn tay quyền năng TẠO HÓA của Ngài.**

Tuy nhiên đụng tới tình trạng “mù” kiểu Phariseu, thì Ngài có vẻ như bó tay, bởi - ở đây – không phải là chuyện chữa lành đôi mắt, mà là chuyện chữa lành tâm hồn..., và đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn! Mà **chữa lành tâm hồn thì phải là công việc của cả đôi bên: Thiên Chúa và con người! Thiên Chúa với lòng thương xót và con người với tâm tình khiêm tốn đón nhận lòng thương xót và quyết tâm “vệ sinh” tâm hồn**, bởi những gì “cửa sổ tâm hồn” tiếp nhận và được thủy tinh thể hội tụ lại tại võng mạc, rồi hệ thần kinh thị giác đưa lên não – **trong từng ngày và giữa cuộc đời này – ngày càng chất chồng những rác rưởi và có sức lây nhiễm. Ơn Chúa thì luôn dư dật, nhưng sự cộng tác và thiện chí con người...thì sao?** Người viết để ý thấy ở rất nhiều bài vở và cả trong tài liệu về mắt này cũng vậy, hầu hết những cây bút có lẽ là tầm cỡ, nhưng khi **đụng đến Năng Lực Tối Thượng của TẠO THÀNH, thì họ đều viết bằng chữ thường** thay vì viết hoa. Chẳng hạn như người ta viết: *Các tuyến lệ chính và phụ hoạt động giúp cho giác mạc luôn được bôi trơn, nó là một cơ chế vệ sinh và bảo vệ tự nhiên mà tao hóa ban cho đôi mắt. Các hoạt động này diễn ra tự động dưới sự điều khiển vô cùng tinh vi của các cơ chế thần kinh mà không một máy ảnh cao cấp nào có thể sánh kịp. Nghĩa là người ta biết có TẠO HÓA! TẠO HÓA là Đấng Tối Thượng và Quyền Năng! Nhưng người ta không thần phục...*

Vậy cho nên Chúa mới nói: **“Mù mà lại dốt mù, cả hai sẽ lăn cù xuống hố!”** (Mt 15,14)...

Có mấy câu của bài hát “Đôi Mắt” trong Album Quang Dũng:

Đôi mắt em là cửa sổ tâm hồn,

Là bài thơ hay nhất,

Là lời ca không dứt,

Là tuyệt tác của Thiên Nhiên...

Vậy cho nên...

Giữa giòng đời, nhìn rõ đục / trong...

Lm Giuse NGÔ MẠNH ĐIỆP

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

NGÀY NGỪNG THUỐC LÁ

Hoa Kỳ có những thói quen rất xây dựng, hấp dẫn.

Nào là ngày của ông bà để các cháu chúc thọ, ngày cha mẹ để con cái nhớ ơn sinh thành dưỡng dục, ngày tình yêu của tuổi trẻ tràn đầy nhựa sống và tuổi già hồi xuân, ngày yêu nước, ngày chống khủng bố ...

Để bảo vệ sức khỏe, họ cũng có những ngày nhắc nhở dân chúng giảm thiểu các thói quen xấu, gia tăng các thói quen tốt. Như ngày phụ nữ đi khám nhũ hoa, nam giới đi kiểm soát niếp tuyến, ngày bớt ăn để giảm mập phì...

Ngày thứ Năm của tuần lễ thứ ba tháng 11 mỗi năm là ngày **Ngưng Hút Thuốc Lá "Smoke Out Day"**. Từ 31 năm qua, Hội Ung Thư Hoa Kỳ đã khởi xướng và phát động ngày này để nhắc nhở dân chúng ít nhất ngưng hút thuốc lá 24 giờ để rồi từ đó hy vọng có trón, sẽ ngưng luôn.

Sở dĩ có những ngày này là vì con người cũng dễ tính, mau quên, cho nên nhắc nhở nhau cũng là thói quen tốt, nên làm.

Tại sao phải ngưng hút thuốc lá?

Theo Cơ quan Y Tế Công Cộng Hoa Kỳ, ngưng hút thuốc lá sẽ đưa tới các ích lợi như sau:

- Sau khi ngưng hút 20 phút, nhịp tim và huyết áp đang nhanh đang cao giảm xuống trông thấy. Khói thuốc lá làm thành động mạch cứng, tim phải làm việc nặng nhọc hơn để đưa máu nuôi dưỡng cơ thể.

- 12 giờ sau khi ngưng hít, lượng CO2 trong máu trở lại bình thường. Quá cao CO2 chiếm chỗ của oxy trên hồng cầu, đưa tới thiếu oxy cho cơ thể

- 2 tuần lễ tới 3 tháng sau khi ngưng thuốc lá, sự lưu thông của máu trở nên hoàn hảo hơn và các khả năng của cơ quan hô hấp mạnh mẽ hơn

- 1 đến 9 tháng sau khi ngưng thuốc lá: ho hen, khò khè, khó thở giảm hẳn, ống phổi không còn đàm nhớt, rủi do sưng phổi ít đi.

- 1 năm sau khi ngưng hút thuốc lá: Rủi ro mắc bệnh tim mạch giảm xuống 50% so với người tiếp tục phì phèo điếu này tiếp nối điếu kia.

- 5 năm sau khi ngưng hút thuốc: rủi ro tai biến động mạch não giảm hẳn.

- 10 năm sau khi ngưng hút thuốc lá: Tỷ lệ tử vong vì ung thư phổi bằng một nửa tỷ lệ ở người tiếp tục hút thuốc lá. Rủi ro bị ung thư miệng, cuống họng, thực quản, bàng quan, cổ tử cung, tụy tạng cũng giảm.

- 15 năm sau khi ngưng hút thuốc lá: rủi ro bệnh tim mạch bằng rủi ro của người không hút thuốc.

Không hút thuốc mà sống chung, làm chung với người hút thuốc cũng gặp khó khăn. Đó là “hút thuốc thụ động” hoặc “hít khói thuốc dư”, không hút mà phải hít khói thuốc lá.

Tại Hoa kỳ, hít khói thuốc dư gây ra:

- 35.000 tử vong ở người không hút thuốc mà sống chung với người hút thuốc.
- 3400 tử vong vì ung thư phổi chỉ vì hít khói thuốc dư
- 150.000- 300.000 nhiễm trùng hô hấp như sung phổi, viêm phế quản ở trẻ em dưới 18 tháng với 7.500- 15.000 em phải vào bệnh viện điều trị.
- 750.000 bệnh nhiễm tai giữa ở trẻ em.
- Phụ nữ có thai tăng rủi ro sanh con thiếu tháng, nhẹ cân.

Tiếp tục hút thuốc lá đưa tới:

- 1,690.000 tử vong vì bệnh tim mạch trên thế giới chỉ vì hút thuốc lá trong năm 2000.
- 850.000 tử vong trên thế giới vì bệnh ung thư phổi gây ra do hút thuốc lá, trong năm 2000. 85% ung thư phổi là do hút thuốc lá.
- Có thai hút thuốc lá tăng nguy cơ sảy thai, có thai ngoài tử cung, sanh con thiếu tháng, nhẹ cân.

Vì thế trên mỗi bao thuốc lá đều có ghi: *“Hút thuốc lá có thể gây nguy hại cho sức khỏe”*

Và nhiều người sẽ không:

“Nhớ nhà châm điếu thuốc

Khói huyền bay lên cây”

như thói quen rất tình cảm của nhà thơ Hồ Dzếnh cách nay gần thế kỷ.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức Texas-Hoa Kỳ.

VỀ MỤC LỤC

SỰ KHỦNG BỐ ÊM DỊU

LỜI TẠM BIỆT:



**Kính xin mọi người hiệp thông
cầu nguyện cho Cha Cố
PX. Hoàng Đình Mai
1947- 01.09.2018**

Xin chân thành cảm ơn

Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,

Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,

Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giảng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

SỰ KHỦNG BỐ ẸM DỊU

Trước ngưỡng cửa ngàn năm thứ ba, ai nấy đều hy vọng sẽ được sống những năm tháng an bình và thịnh vượng. Tuy nhiên, mơ ước thì rất nhiều mà lại chẳng được bao nhiêu. Ngàn năm thứ ba được khởi đầu bằng sự việc bọn khủng bố cướp máy bay, rồi đâm thẳng vào Trung tâm Thương mại Thế giới, khiến cho mọi người đều bàng hoàng khiếp hãi.

Rồi từ đó cho đến nay, nạn khủng bố vẫn liên tục được phát triển từ bắc xuống nam, từ đông sang tây và bọn khủng bố dường như có mặt ở mọi nơi và trong mọi lúc. Không ngày nào mà

báo chí không đề cập tới nạn khủng bố. Nào là ôm bom tự sát. Nào là đặt bom ở xe để cho nổ tung, thậm chí còn cài bom cả vào đế giày... Và trong thánh bầy vừa qua, những vụ đánh bom ở Luân Đôn, một lần nữa lại làm cho cả thế giới bị rung động, bị co giật như lên cơn kinh phong.

Vậy thế nào là khủng bố ? Gã xin trả lời một cách vắn tắt : Khủng bố là làm cho người khác sợ hãi. Còn phương thế tạo nên sự sợ hãi thường là những hành động tàn bạo và dã man. Người ta có thể khủng bố lẫn nhau về phương diện thể xác như bắt bớ, đánh đập và tạo nên những cái chết thương đau. Nhưng người ta cũng có thể khủng bố lẫn nhau về phương diện tinh thần như tạo nên những căng thẳng, những buồn tủi, những tuyệt vọng.

Gã không phải là một chuyên viên về chính trị chính em, nên chẳng dám xó rớ bàn tới những chuyện liên quan đến nền an ninh thế giới hay đến sự hòa bình của nhân loại. Những vấn đề này quá ư là to lớn, nên bị coi như ở ngoài vòng... phủ sóng. Gã chỉ xin nói tới một phạm vi rất nhỏ bé, rất hạn hẹp, đó là phạm vi gia đình và giới hạn sự khủng bố trong mối liên hệ giữa vợ chồng với nhau mà thôi.

Ngày xưa khi học về sự cháy, tên khoa học gọi là hiện tượng “oxy-hóa”, gã thấy người ta phân biệt hai sự cháy, đó là sự cháy bùng và sự cháy ngầm. Cháy bùng là cháy có phát ra ngọn lửa như chúng ta thường thấy ở trong bếp. Còn cháy ngầm là cháy không phát ra ngọn lửa, như chúng ta thường thấy nơi sự rỉ sét của các thứ kim loại. Cũng vậy, trong mối tương quan giữa vợ chồng với nhau, gã xin tạm chia sự khủng bố thành hai loại, đó là sự khủng bố tàn bạo và sự khủng bố êm dịu.

Tác giả Mai Thắng trong một bài báo đã đưa ra nhận xét như thế này :

- Thông thường khi yêu nhau, người ta vẫn làm những điều tốt đẹp nhất cho người mình yêu. Thế nhưng, một số người lại cho rằng yêu có nghĩa là chiếm hữu một cách ích kỷ. Sự khủng bố êm ái này diễn ra mà đôi khi ngay cả người trong cuộc cũng không hay biết.

Trước hết, anh chồng khủng bố chị vợ như thế nào?

Như chúng ta đã biết người chồng vốn được gọi là phái mạnh, phái khỏe. Vì thế, sự khủng bố của họ thường nghiêng về tàn bạo hơn là êm dịu.

Thực vậy, vào cái thuở ban đầu khi mới quen nhau, mới thương nhau, anh ta lịch sự, ga lăng và hào hoa bao nhiêu, thì bây giờ lại khó khăn, bần gất bấy nhiêu. Mở miệng ra là chửi bới cộc cằn. Hơi một chút là hành động cách hùng hổ. Xét về sự đám đá thì không ai bằng. Thiết tưởng những sự khủng bố như thế đều xuất phát từ cái đầu óc gia trưởng, độc tài và độc đoán.

Thứ nhất là trong việc làm.

Ngày xưa, anh ta chiều chuộng nâng niu theo kiểu :

- Cứng như cứng trứng, hững như hững hoa.

Còn bây giờ thì thường xuyên cho nôi niêu xoong chảo bay ra ngoài sân, rồi thượng cẳng chân hạ cẳng tay với nhau. Đáng lẽ ra anh ta phải dùng bàn tay để xây dựng, thì nay lại dùng để phá đổ. Có những anh chồng đã hành động một cách hết sức tàn bạo và dã man, đánh đập chị vợ không biết nương tay, bắt chị vợ phải hầu hạ cung phụng mình như một ông hoàng theo kiểu “chồng chúa vợ tôi”, chẳng thèm đụng ngón tay lay thử bất cứ công việc gì trong gia đình.

Một cô giáo đã tâm sự như sau :

- Thực là mệt mỏi. Mỗi khi đi làm về còn phải ghé qua chợ mua thức ăn, ghé qua trường đón thằng nhỏ. Thế mà về đến nhà, ông chồng lúc thì đang vênh râu ngồi xem tivi, lúc thì đang lướt như múa trên bàn phím. Ông ấy có đến ba bằng đại học, uyên bác lắm chứ có phải thường đâu. Đồng tây kim cổ cái gì cũng biết, chỉ mỗi chuyện vợ con sống chết ra sao là không biết mà thôi. Có lần tôi bận, gọi điện nhờ đón con, thì ông ấy hỏi con học ở trường nào, làm tôi cười ra nước mắt...(Gia Đình 32)

Thứ hai là trong lời nói.

Ngày xưa, lời nói của anh ta sao nó ngọt như đường cát mát như đường phèn, sao nó êm dịu và nhẹ nhàng đến thế. Còn bây giờ mới chua chát, gắt gỏng làm sao.

Trước kia thì :

- Anh anh, em em.

Còn bây giờ thì :

- Mày mày, tao tao.

Thậm chí còn :

- Cái con mẹ mày, cái con mụ nọ, cái con chết bầm kia...

Rồi anh ta lại dành cho chị vợ tất cả những món cao lương mỹ vị bằng những tiếng chửi bới tục tĩu, lời cả bố mẹ, ông bà và tổ tiên không biết bao nhiêu đời ra mà riết móc. Anh ta cứ nghĩ rằng :

- Càng nói to, càng gắt gỏng thì chân lý và phần thắng sẽ thuộc về mình.

Rất nhiều khi anh ta đã dùng chiến thuật “cả vú lấp miệng em”. Gã thấy có những anh chồng rất sai, rất trái và rất ngang, còn hơn cả cua bò, thế mà mỗi khi phát ngôn đều la mắng, gắt gỏng để phủ đầu và lấp liếm những sai lỗi của mình.

Trong đời sống vợ chồng, về phương diện lời nói người ta đã diễn tả bằng một kinh nghiệm chua chát như sau :

- Những ngày trước hôn nhân thì chị nói anh nghe. Liền sau hôn nhân thì anh nói chị nghe. Còn sau đó cả hai người cùng nói và hàng xóm phải nghe.

Gã cũng thấy có những anh chồng luôn kê tủ đứng, chê bai chị vợ trước mặt bàn dân thiên hạ.

Bữa tiệc mừng tân gia chưa kết thúc, thì anh đã vào bếp gọi chị ra nói lớn tiếng :

- Anh đã nhắc em không biết bao nhiêu lần, khi nấu ăn em phải hết sức chú ý trong việc gia giảm và mắm muối. Món nào em nấu cũng mặn chát như thế thì ai mà nuốt cho nổi. Hôm nay anh mời sếp và các đồng nghiệp trong công ty đến mà em nấu nướng kiểu này thì mất hết cả thể diện của anh.

Không biết bao nhiêu lần anh chê bai chị trước mặt người khác như thế. Anh không quan tâm tới việc người khác nghĩ gì về vợ mình, cứ không vừa ý là anh giận sôi lên, rồi không tiếc lời quát tháo. Nếu có ai góp ý “vợ chồng đóng cửa bảo nhau” thì anh gạt phất đi :

- Tôi có nói oan, nói sai cho cô ấy đâu mà phải giữ ý giữ tứ, tôi cứ nói trước mặt mọi người cho cô ấy cảm thấy xấu hổ để lần sau còn nhớ mà sửa đổi. Vợ với chả con, vụng về hết chỗ nói, đã thế lại còn ngang ngạnh không chịu sửa đổi, hể tôi nói là gân cổ lên cãi. (Gia Đình 29).

Thứ ba là trong tư tưởng.

Anh ta cho ý kiến của mình luôn là đúng, là phải, còn ý kiến của chị vợ luôn là sai, là trái. Nhiều khi anh ta lên tiếng khinh bỉ và coi thường chị vợ :

- Ôi giờ, đàn bà con gái biết chi mà nói.

Bao giờ anh ta cũng lấy cái “lý đoán” của mình mà áp đảo chị vợ và buộc chị vợ phải nhắm mắt vâng theo răm rắp, đúng với cốt cách “phong kiến” ngày xưa :

- Phu xướng, phụ tùy. Chồng đã phán, thì vợ phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Sự khủng bố về mặt tư tưởng thường diễn một cách từ từ và âm thầm theo kiểu mưa dầm thấm đất. Phải chăng đây cũng là kiểu khủng bố êm dịu duy nhất của người chồng ?

Bất ngờ gặp lại chị, tôi thấy chị thay đổi hẳn từ cách ăn mặc, tóc tai đến tính tình. Những bộ quần áo sinh động được thay thế bằng quần tây, áo sơ mi đóng khuôn. Biệt danh “tóc ngắn nhí nhảnh” mà lớp yêu mến đặt cho chị dường như không còn thích hợp bởi mái tóc dài đuối thẳng đuốt. Chị thờ dài phân búa :

- Ông xã của mình bắt buộc như thế, cảm thấy không thoải mái nhưng biết làm sao bây giờ.

Qua trò chuyện, tôi thấy chị thay đổi cả thói quen chủ động trong mọi vấn đề, chẳng hạn như việc gọi thức ăn cho mình khi vào quán hay việc mặc đồ gì khi đi chơi...tất cả đều do anh ấy. Chị cười gượng :

- Quen rồi, anh ấy quyết định mọi thứ, mình chỉ việc làm theo.

Và có lẽ chị không phải là trường hợp cá biệt “đánh mất bản sắc” của mình. Vì người yêu, sẵn sàng làm mọi sự, kể cả thay đổi bản thân không đúng với cá tính của mình, miễn là vừa lòng người mình yêu.

Nếu như có người đã viết hai câu thơ :

- Đừng nhìn em như thế,

Cháy lòng em còn gì.

Thì qua những kiểu khủng bố như trên, tác giả Đình Bôn đã có lý khi thốt lên :

- Đừng hành nhau như thế,

Chết đời em còn gì. (Gia Đình 29).

Tiếp đến, chị vợ khùng bố anh chồng như thế nào?

Như chúng ta cũng đã biết, người vợ vốn được coi là phái đẹp, phái yếu. Vì thế sự khùng bố của họ thường nghiêng về êm dịu hơn là tàn bạo.

Nói thế, không phải là không có những bà vợ mang khuynh hướng bạo lực đâu nhé, tuy rằng rất ít và rất hiếm.

Anh hàng xóm của tôi đã tốt nghiệp đại học và là trưởng ban biên tập thời sự của một tờ báo lớn. Tôi đã từng chứng kiến tận mắt nhiều lần vợ anh mắng anh là đồ ngu, đồ đần độn và khiếp quá có lần vợ anh cầm cả cán chổi vụt thật mạnh xuống giường. Nhất vụt ấy là lời cảnh cáo anh, chẳng khác gì cách dạy con của các cụ ngày xưa. Anh vẫn ngồi như tượng, mặt tím vì giận vợ và xấu hổ với hàng xóm, vì họ đều là đồng nghiệp...(Gia Đình 29).

Do chân yếu tay mềm, nên vũ khí người vợ dùng để khùng bố ông chồng thường là lời nói.

Thực vậy, tìm được một bà, một cô vừa niềm nở và tươi tắn, lại vừa kín miệng và thận trọng trong lời nói là một điều rất khó, bởi vì phần đông các bà các cô đều mắc phải cái tật thích nói dài, nói dè, nói dai, nói day, nói dứt và lắm khi còn nói xiên , nói xỏ.

Có những chị vợ thường xuyên cạ cọ với chồng với con. Chúng ta thử tưởng tượng ra một anh chồng làm công chức. Ở sở thì bị bề trên đè nén, bề ngang ganh tị và bề dưới bướng bỉnh. Về nhà chỉ thầm mong tìm thấy một khuôn mặt tươi tắn và một lời nói dịu dàng của chị vợ, cùng với những nụ cười vô tư của con cái để quên đi hết nỗi sầu buồn chất chứa trong lòng mà hăng hái tiếp tục cuộc chiến đấu vì cơm áo gạo tiền. Thế nhưng, bất cứ lúc nào hể thấy mặt anh chồng, chị vợ lại cần nhằn :

- Sao anh thua người ta thế này, sao anh thua người ta thế nọ...Người ta thì kiếm tiền như nước, đem về cho vợ cho con, còn anh sao vô tài bất tướng quá vậy.

Ngay cả những lúc thân mật, chị vợ cũng luôn rót vào tai chồng những lời chua như chanh và cay như ớt. Ngồi vào bàn ăn, thì mặt mày làm thành một đống. Như vậy, làm sao người chồng có thể chịu đựng cho nổi.

Nhất là mỗi khi có chuyện xích mích, bất đồng trong gia đình hay chẳng may anh chồng lỡ sai lỗi điều chi, thì chị vợ xả ga nói cho bằng thích : nói dài, nói dè, nói dai, nói day, nói dứt, nói xỏ, nói xiên...xoáy vào tận lục phủ ngũ tạng, xoáy vào tận tâm can tì phế của anh chồng. Lải nhải ngày cũng như đêm.

Bị khùng bố tới nước này, anh chồng thường có hai cách giải quyết. Một là lẳng lặng bỏ nhà ra đi dăm bảy tiếng đồng hồ hay vài ba ngày để xả..."stress". Hai là tức nước vỡ bờ, thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, nện cho chị ta một trận để mà câm cái miệng lại. Cả hai cách giải quyết đều bất ổn cho cá nhân cũng như cho gia đình.

Đúng vậy, những lời nói theo kiểu "dài-dẻo-dai-day-dứt" như trên thường không đem lại kết quả như lòng mong ước, trái lại lắm lúc còn như đổ thêm dầu vào lửa làm cho bùng nổ...chiến tranh giữa các vì sao. Bởi đó, rút ra từ những kinh nghiệm quý giá, phần lớn các chị vợ đã tâm niệm rằng :

- Mật ngọt chết ruồi. Người ta bắt được nhiều ruồi chỉ bằng một giọt mật, còn hơn là bằng cả một thùng dấm chua.

Và thế là các chị ấy bèn thay đổi chiến thuật, dùng những lời nói ngọt ngào như đường như mật mà rót vào tai các anh chồng. Một khi đã khoái cái lỗ nhĩ, các anh chồng chỉ còn biết gật đầu vâng theo mà thôi. Đây chính là một sự khủng bố êm dịu mà kết quả được diễn tả là trên cả tuyệt vời.

Gã xin đưa ra một vài chứng từ được gộp nhặt trên tuần báo “Gia Đình”, qua đó cho thấy với chiến thuật khủng bố êm dịu, các chị vợ đã chiến thắng một cách khốc liệt, còn những anh chồng đã phải ngậm đắng nuốt cay, chịu thua một cách te tua thảm hại.

Chứng từ thứ nhất là của hai người đang...cặp bồ với nhau.

Trong tiệc cưới ở nhà hàng nọ, chúng tôi cảm thấy thương và buồn cười cho anh bạn trẻ ngồi chung bàn. Cô bạn gái của anh ta cứ luôn miệng nũng nịu, bắt anh ta phải làm việc này việc nọ để phục vụ cho cô. Từ việc lấy đôi đũa ra khỏi bao giấy, đến việc lột tôm cho vào đĩa thức ăn, ngay cả cầm chiếc khăn lên lau mặt cô cũng nhờ người yêu xé hộ. Chứng kiến từ đầu đến cuối cảnh tượng ấy, một anh chàng độc thân bèn chép miệng thở dài ngán ngẩm :

- Hết ham có người yêu.

Chứng từ thứ hai là của một cặp vợ chồng cưới nhau hơi bị...mới.

Họ vừa mới kết hôn và cũng vừa mới qua tuần trăng mật tại Đà Lạt. Chi tiết nhỏ này cũng nói lên khá nhiều về tình trạng “kinh tế rừng rinh” của họ. Ấy thế mà có một cuộc chiến ngầm đang diễn ra mà kẻ bại trận lại chính là...“anh yêu”.

Nàng mới tậu được một chiếc váy lửng đồ hiệu, nhưng vòng cạp hơi bị chặt vì cái eo của nàng dạo này hơi bị phát triển. Và thế là :

- Anh ơi, anh đưa em đi sửa lại cái cạp váy nhé ?

Anh miễn cưỡng :

- Ủ, thôi nào đi.

Chuyện vặt này thế là cho qua. Lại đến việc khác. Một ngày đẹp trời, nàng bảo anh đưa nàng đến cái “shop” chuyên về đồ lót phụ nữ. Anh ngần ngừ. Đàn ông đến đó ngượng chết đi được. La liệt những “quang treo” và “lá nho”. Khiếp. Nhưng chẳng để cho anh trình bày lý do ngại ngùng, “em yêu” liền đưa ngay giải pháp :

- Thì anh dựng xe bên đường và đứng đợi em.

Cuộc chờ ấy dài bằng cả thế kỷ.

Nàng biết anh có tài rán trứng. Và thế là hôm hai vợ chồng về quê ngoại, nàng bèn khoe với mẹ rằng con rể của mẹ làm bếp rất giỏi. Tiến thoái lưỡng nan, anh đành phải ngoan ngoãn hi hục dưới bếp, chiến đấu với lửa rơm.

Ngoài ra, anh còn bị quật ngã bởi một độc chiêu khác nữa, đó là nàng luôn đóng vai hải quan, khám túi áo, khám túi quần, khám ví da. Có nghĩa là anh bị quản lý một cách chặt chẽ, không còn có một quỹ đen quỹ đỏ nào cả. Thậm chí trên điện thoại di động, anh cũng phải luôn xóa sạch những tin nhắn lạc lõng à ơi. Nếu không thì chết. Bạn bè chê anh là hèn, nhưng anh bèn lớn tiếng thanh minh thanh nga :

- Tớ nể vợ chứ đâu có sợ vợ. Nể vợ khác với sợ khác chứ. Tớ không phải là loại đàn ông mềm yếu.

Chứng từ thứ ba là của đôi vợ chồng cưới nhau hơi bị...cũ.

Từ trên lầu đi xuống, chị ổng ọ :

- Alô, anh đến đón em và đi mua sắm một tí nhé...Bạn hả...VẬY em đi xe ôm. Khổ ghê. Có chuyện mới nhờ. Vậy mà...

Chỉ cần nghe cái điệp khúc “khổ ghê” bằng giọng giận dỗi của chị là anh lại phải “đau khổ” thi hành mệnh lệnh của chị, dù đang bận bịu đến mấy đi nữa. Anh than thở :

- Nếu không, cô ấy sẽ đưa ra những biện pháp làm cho mình đứng ngồi không yên.

Công việc tại văn phòng khiến anh khó có thể rời khỏi nơi làm việc trong giờ hành chánh, nhưng anh phải năn nỉ sếp, hoặc tranh thủ lúc giải lao để đáp ứng nhu cầu của chị. Mà những việc đột xuất của chị lại rất thường xuyên và hay rơi vào giờ hành chánh. Thế mới khổ cho anh.

Có lẽ vì lý do trên, mặc dù gắn bó với công ty đã ba năm, mà chưa bao giờ anh được khen thưởng. Thậm chí đôi lúc anh còn bị khiển trách, không phải vì khả năng làm việc, mà vì hay vắng mặt trong giờ hành chánh ở cơ quan.

Sự việc trên làm gã nhớ tới một bài thơ của Bắc Tiểu với tựa đề là “Khéo” :

- Vợ tui là khéo nhất nhà,

Rất hay sai vặt, nhưng mà sai hay.

Anh ơi, giúp em cái này,

Mang giùm cái đấy vào đây anh à.

Cái này thì giúp mang ra,

Mang vào cái đấy, mang ra cái này.

Vào ra, giúp hộ tối ngày,

Cái tai vẫn khoái, cái tay vẩy đều.

Vợ tui đúng thật là siêu,

Sai mà sai khéo, sai yêu, sai tình.

Từ kinh nghiệm xương máu, nằm gai nếm mật, những anh chồng thâm niên phục vụ cho chị vợ đã phải cúi đầu tự thú...trước bình minh :

- Khi một người đàn bà yêu thương chúng tôi, thì tình yêu của người ấy đã quật ngã chúng tôi, khiến chúng tôi như bị tước đoạt hết tất cả và như bị đánh bại một cách thê thảm.

Trước sự khủng bố êm dịu của các bà vợ, gã xin mượn tạm bài thơ “Chồng ngoan” của Minh Thu thay cho lời kết :

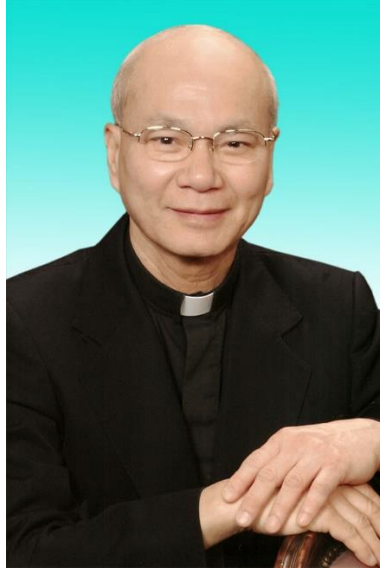
Hầu con từ thuở còn thơ,
Hầu vợ đến thuở bạc phơ mái đầu.
Muốn cho vợ khỏi càu nhàu,
Bếp dọn sạch bếp, nhà lau sạch nhà.
Sinh nhật phải nhớ tặng quà,
Nấu ăn ngày tám tháng ba khỏi bàn.
Vợ ngủ thì phải buông màn,
Ngày hè quạt mát, đông sang đắp mền.
Vợ giận thì phải cười duyên,
Vợ vui mới được huyền thuyên hát hò.
Đêm nằm vợ ngáy ó o,
“Mình cứ thoải mái ngáy cho vui nhà”.
Đi chợ vợ thích ăn quà,
“Mình xơi cho đã về nhà đỡ cơm”.
Chờ vợ thì lái cho ngon,
Mắt luôn nhìn thẳng chớ dòm ngó ngang.
Đi đâu báo cáo đàn ông hoàng,
Vợ khen : “ chồng tớ rất ngoan”...thì mừng.

Chuyện phiếm của Gã Siêu

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

Tri Ân
Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ
Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam



30.12.1946 – 01.12.2020

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.

TGP Baltimore USA